

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang

- Mã chứng khoán: KGM
- Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
- Điện thoại liên hệ: (0297) 3863 491 Fax: (0297) 3862 309
- E-mail: info@kigimex.com.vn Website: www.kigimex.com.vn
- Người thực hiện CBTT: Bà Dương Thị Thanh Nguyệt, Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 02/03/2021 tại đường dẫn <http://www.kigimex.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- Lưu VT.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật



Dương Thị Thanh Nguyệt




CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
KIÊN GIANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020



CONTACT

 Số 85-87 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc,
thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

 www.kigimex.com.vn

 (0297) 3863 491

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Giải thưởng tiêu biểu
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

01

03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Kế hoạch phát triển tương lai
Các biện pháp thực hiện

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
Biện pháp thực hiện

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

02

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020

Ý kiến kiểm toán viên
Báo cáo tài chính kiểm toán

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức nhân sự
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
Báo cáo phát triển bền vững





THÔNG TIN CHUNG

*“Ấm no cùng
gạo Việt”*

Thông tin khái quát	08
Quá trình hình thành và phát triển	10
Giải thưởng tiêu biểu	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
Các đơn vị trực thuộc	18
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	20
Định hướng phát triển	22
Các rủi ro	24



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên Công ty	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Tên viết tắt	KIGIMEX
Tên Tiếng Anh	Kien Giang Import & Export Joint Stock Company
Mã cổ phiếu	KGM
Vốn điều lệ	254.300.000.000 đồng
Trụ sở chính	Số 85-87 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Điện thoại	(0297) 3863 491
Fax	(0297) 3862 309
Email	info@kigimex.com.vn
Website	www.kigimex.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần thứ 20 ngày 10 tháng 05 năm 2018.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1975

Tiền thân của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang là Công ty Xuất nhập cảng Nam Hải thành lập từ năm 1975, trực thuộc Công ty Xuất nhập cảng Miền Tây, văn phòng chính đặt tại Cần Thơ.

1976

Đổi thành Công ty Ngoại thương Kiên Giang trực thuộc UBND tỉnh Kiên Giang.

1981

Đổi tên thành Công ty Liên hợp xuất khẩu Kiên Giang.

1982

Đổi tên thành Liên Hiệp Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang, lúc đó có các Công ty trực thuộc là Công ty Xuất nhập khẩu Rau quả, Công ty Dầu thực vật, Cửa hàng Kiều hối, Công ty Nông sản thực phẩm xuất khẩu, Nhà máy đông lạnh khóm, Xí nghiệp đông lạnh thủy sản xuất khẩu (XN I), Đội tàu Sông Kiên.

1988

Đổi thành Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

1992

UBND tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 542/UB-QĐ ngày 19/08/1992 về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang và hoạt động theo giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu số 4081004 do Bộ Thương mại cấp ngày 01/03/1993.

2019

Công ty giao dịch thành công với một số khách hàng mới (Wilmar, aT), đặc biệt là lần đầu tiên thắng thầu cung cấp cho thị trường Hàn Quốc loại gạo lứt hạt ngắn Japonica.

2017

Ngày 14/09/2017, Công ty chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là KGM và số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 25.430.000 cổ phiếu.

2006

Ngày 20/06/2016, Công ty đã được Tổng Công ty Lương thực miền Nam chấp thuận cho Công ty được tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 27/06/2016, và chính thức chuyển sang Công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2016 theo giấy đăng ký kinh doanh số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp (thay đổi lần thứ 19).

2005

Ngày 31/05/2005, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang chuyển thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số: 123/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

1995

Tổng Công ty lương thực Miền Nam ra Quyết định số 071/TCT/TCLĐ - QĐ ngày 25/ 11/ 1995 về việc tiếp nhận Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

1994

Tháng 04 năm 1994, Công ty Lương thực Kiên Giang sáp nhập vào Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

2020

Công ty phát triển thêm nhiều sản phẩm mới như gạo thơm ST24, ST25, gạo Japonica, gạo lứt hạt dài và cá cơm lá chanh



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Trên 40 năm thành lập và phát triển, Công ty đạt được rất nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài nước tín nhiệm cao, nhận được nhiều giải thưởng, thành tích xuất sắc trong kinh doanh như:

- » Thủ tướng Chính phủ tặng Giải bạc Chất lượng Quốc gia, Cờ thi đua.
- » Được đạt nhiều Danh hiệu, Giải thưởng, Cờ thi đua, Bằng khen, Giấy khen của các Tổ chức Chính trị Xã hội trao tặng trong các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- » Hàng năm được Tổng Công ty Lương Thực Niềm Nam, UBND tỉnh Kiên Giang trao tặng nhiều Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các mặt công tác.
- » Bộ Tài Chính và Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội đánh giá là Doanh nghiệp Loại I.
- » Bộ Y Tế tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Chăm sóc sức khỏe người lao động.



Huân chương lao động **HẠNG III**



TOP 100 thương hiệu xuất khẩu uy tín



Giấy chứng nhận **CÚP VÀNG ISO**



Giải **BẠC** Chất lượng Quốc gia,
Cờ thi đua năm 2011



CÚP VÀNG thương hiệu và nhãn
hiệu



Giải thưởng **BÔNG LÚA VÀNG**
Việt Nam - Thương hiệu Vàng
chất lượng



CÚP VÀNG Doanh nghiệp **XUẤT KHẨU UY TÍN** ngành hàng Lúa gạo Việt Nam năm 2011



CÚP VÀNG ISO 2008



Giải thưởng **CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM 2008**



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU (tiếp theo)

Năm 2019:

- » Bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác chỉ đạo, phối hợp, thực hiện chính sách BHXH, BHYT giai đoạn 2018- 2019” do Bảo hiểm XH Việt Nam trao tặng;
- » Cờ thi đua “Đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2019” do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trao tặng;
- » Công nhận xếp loại tập thể Công đoàn cơ sở tốt năm 2019 của Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty Lương thực Miền Nam do Tổng Công ty trao tặng;
- » Tặng Giấy khen và tặng phẩm của Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty Lương thực Miền Nam do Tổng Công ty trao tặng;
- » Bằng khen danh hiệu "Danh nghiệp tiêu biểu Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2019" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng;
- » Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2019” do UBND tỉnh Kiên Giang trao tặng.

Năm 2020:

- » Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề "Doanh nhân và Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2020" do UBND tỉnh Kiên Giang trao tặng;
- » Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2020" do UBND tỉnh Kiên Giang trao tặng.

Vị thế công ty: Công ty luôn đứng top đầu các doanh nghiệp do Tổng Công ty Lương thực Miền Nam xếp loại về:

- » Tài chính vững mạnh;
- » Sản lượng tiêu thụ và lợi nhuận cao;
- » Ổn định nội bộ.





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CÁC MẶT HÀNG GẠO

KiGiMex thu mua, chế biến và xuất khẩu mặt hàng gạo các loại

- » Gạo chất lượng cao hạt dài: OM 6976; OM 4218; OM 2571, ...
- » Gạo thơm: OM 5451, Đài Thơm 8, Nàng Hoa, KDM, Jasmine, ST24, ST25;
- » Gạo hạt trung bình: Sóc Miên; OM576 (Hàm Trâu), ...
- » Gạo thông dụng: 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 100% tấm;
- » Nếp, tấm, lúa, cám.

Trong năm 2020, Công ty đã phát triển thêm nhiều sản phẩm mới như gạo thơm ST24, ST25, gạo Japonica và gạo lứt dài...

Đóng gói sản phẩm chuyên nghiệp các loại bao PP hoặc bao ghép màng BOPP, PAPE với các loại kích cỡ khác nhau từ 1 kg đến 50 kg; bao Jumbo theo yêu cầu của khách hàng.



Về
bao
bì
đóng
gói

CÁC MẶT HÀNG THỦY SẢN

KiGiMex kinh doanh mặt hàng cá cơm các loại:

- » Cá Cơm sấy khô (đã luộc chín, sấy khô ăn liền):
 - + Cá Cơm nguyên con: nhiều kích cỡ, từ 2cm đến 7cm;
 - + Cá Cơm thịt (bỏ đầu và xương): nhiều kích cỡ, từ 2cm đến 5cm.
- » Cá Mai sấy khô (Cá Mai tách xương sấy khô).
- » Cá Cơm tẩm ướp gia vị ăn liền (Cá Cơm tách xương sấy khô, tẩm ướp gia vị, ăn liền).

Trong năm 2020, Công ty đã phát triển thêm sản phẩm cá cơm lá chanh để đáp ứng theo nhu cầu của khách hàng trong nước.

Về
bao
bì
đóng
gói

- » Bán buôn: Sản phẩm đóng trong thùng carton, có 01 lớp PE bên trong, gồm 02 loại thùng 10kg và 14kg cho mỗi loại cá khác nhau.
- » Bán lẻ: Cá cơm tẩm gia vị được đóng trong hộp PE, gồm 2 loại hộp 150 gram và 350 gram; Túi hút chân không và Hộp-Bloc đối với các dòng cá tẩm thích hợp cho việc làm quà biếu vừa đẹp và tiện lợi..



NGÀNH HÀNG XĂNG, DẦU, NHỚT

- » Công ty có 1 tổng kho xăng dầu đặt tại phường An Bình – Tp. Rạch Giá được xây dựng từ năm 2002 với diện tích xây dựng 6.525 m² sức chứa hơn 4.600 m³ xăng dầu;
- » Hệ thống các phương tiện vận chuyển gồm 06 xe bồn với dung tích mỗi xe từ 5.000 lít - 10.000 lít, 03 tàu vận chuyển với tổng sức chứa 460 m³;
- » Công ty có 05 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu An Bình;
- » Công ty sẵn sàng cung cấp tận nơi lượng xăng dầu nhớt với giá sỉ cho các Đại lý, tàu biển và các tổ chức cá nhân khác trong và ngoài tỉnh;
- » Chuyên kinh doanh sỉ và lẻ các mặt hàng: Xăng A92; A95; Dầu DO, KO, FO; Nhớt các loại;
- » Thị trường kinh doanh: Nội địa trong và ngoài tỉnh.



CÁC SẢN PHẨM KHÁC

Ngoài ra, Công ty còn có Cửa hàng kinh doanh gạo chất lượng cao và hệ thống đại lý bán lẻ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và vùng lân cận với các sản phẩm gạo đóng túi PE từ 01-05 kg và bao PP từ 10 -50 kg với các dòng sản phẩm gạo thơm, gạo đặc sản, gạo chất lượng như Đài thơm, Nàng Hoa, Jasmine, KDM, ST24, ST 25 và một sản phẩm gạo thông dụng 05%, 10% mang nhãn hiệu Gạo “Ngọc Phú”.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

KiGiMex cung cấp cho thị trường trong nước các sản phẩm gạo và cá cơm sạch, an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý, cửa hàng của KiGiMex và mạng lưới các siêu thị, cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc. Ngoài ra, KiGiMex cũng đã xuất khẩu gạo và cá Cơm đến các thị trường như Trung Quốc, Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, châu Á và nhiều quốc gia khác trên thế giới.





CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Phú



Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.



Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vinh Thắng



Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.



Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông



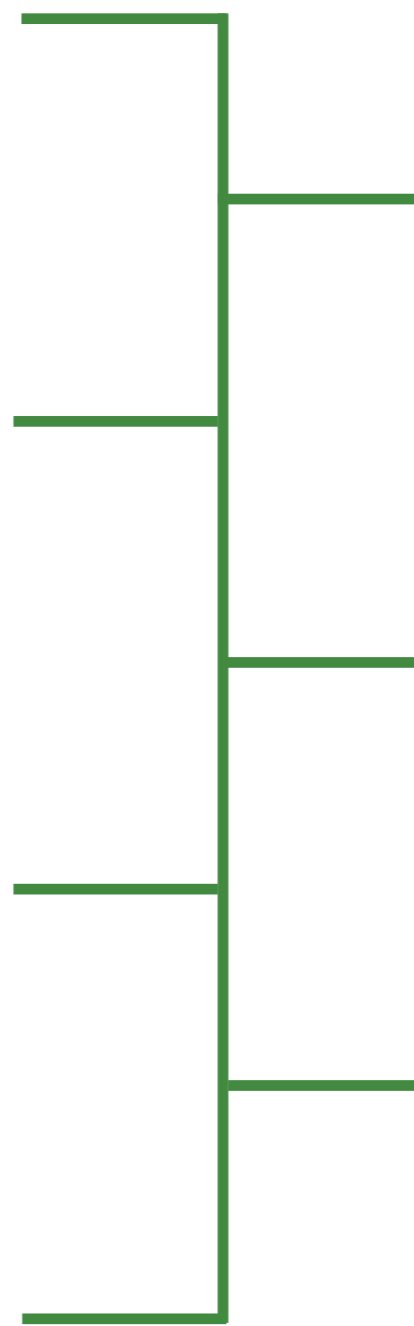
Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.



Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu An Bình



44 Ngô Thời Nhiệm - Rạch Sỏi tỉnh Kiên Giang.



Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng



Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận



Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu An Hòa

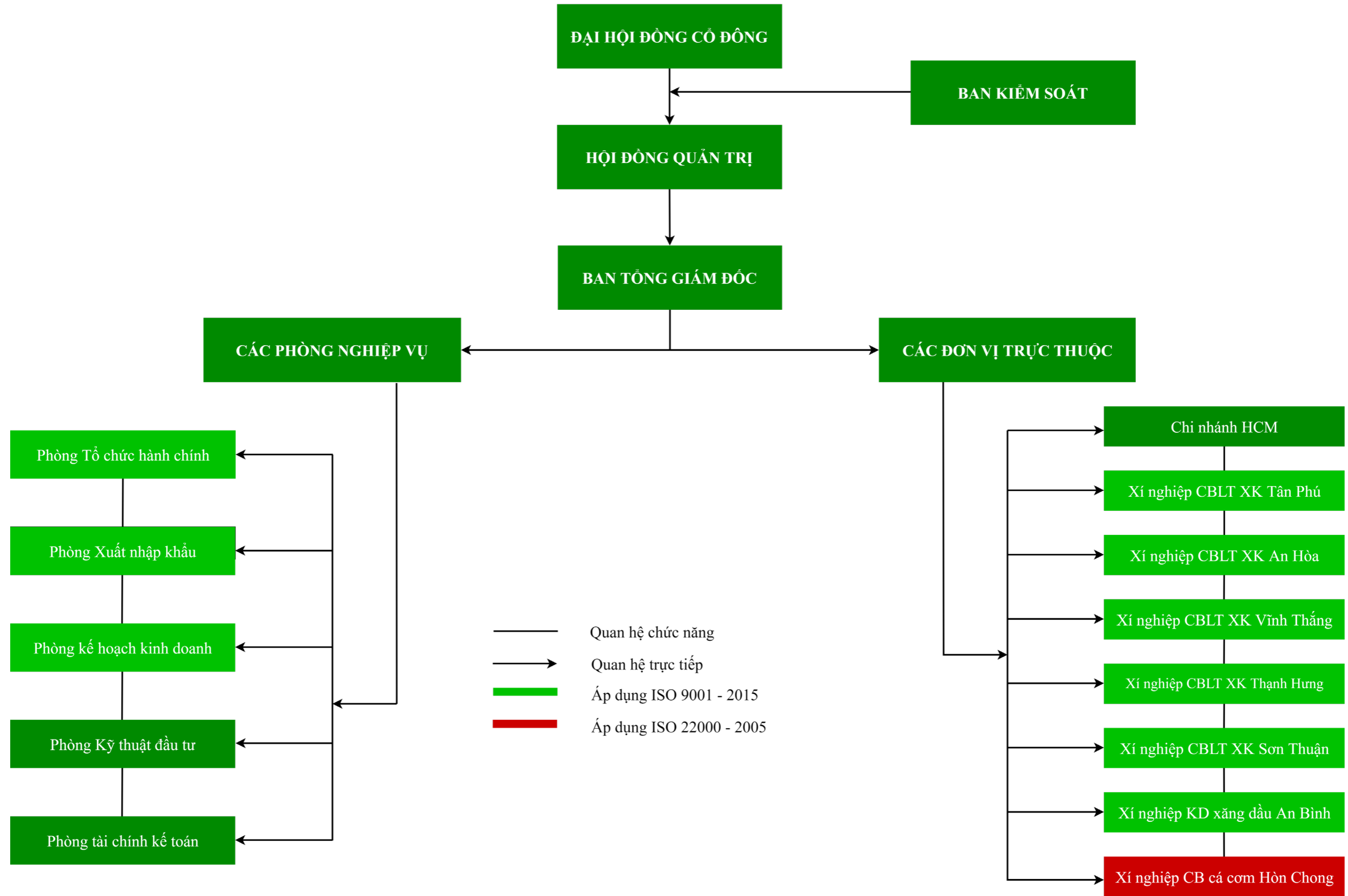


44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

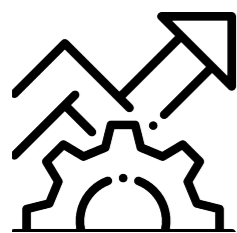


CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

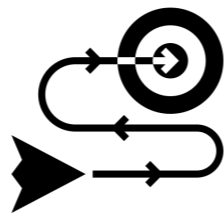
Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty



- ▶ Xây dựng Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;
- ▶ Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi
- ▶ Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.

Tâm nhìn

Trở thành Công ty hàng đầu cả nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu lương thực thông qua “Chất lượng - Uy tín - An toàn - Hiệu quả” và thương hiệu gạo nổi tiếng thế giới.



Sứ mệnh



- ▶ Là một trong những công ty tạo ra các sản phẩm ổn định, chất lượng cao cho khách hàng, góp phần xây dựng thương hiệu sản phẩm Việt trên thị trường thế giới;
- ▶ KiGiMex chú trọng việc cải tiến công nghệ, nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị để tăng hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, tất cả các phân xưởng, nhà máy chế biến đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn



- ▶ Liên kết đối tác chiến lược có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn;
- ▶ Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Tăng trưởng mạnh, vững chắc, tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh chính, tạo lợi thế cạnh tranh ở những sản phẩm dịch vụ truyền thống đã được khẳng định trên thị trường;
- ▶ Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp, văn hóa doanh nghiệp;
- ▶ Tập trung nguồn lực, phát triển ngành nghề kinh doanh chính và phát triển các loại hình dịch vụ, các loại hình kinh doanh mới. Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận;
- ▶ Đào tạo và xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Công ty có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức lối sống tốt;
- ▶ Cùng với các tổ chức Đảng, đoàn thể chăm lo thật tốt đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên Công ty, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng để đưa Công ty từng bước vững mạnh hơn so với trước đây.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- ▶ Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm, luôn chấp hành tốt và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng;
- ▶ Hoàn thiện chế độ lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Khuyến khích sự tham gia của tất cả cá nhân vào các hoạt động tình nguyện cũng như định hướng, thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững;
- ▶ Phát triển đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên;
- ▶ Đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải (khí và nước) chất lượng cao để bảo vệ môi trường sống cho sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh;
- ▶ Tích cực hỗ trợ và tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện, từ thiện tại địa phương, ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid19 và người dân Miền Trung bị ảnh hưởng thiên tai tại bão, lụt với số tiền trên 100 triệu đồng.





CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong năm 2020 tăng trưởng khá khả quan trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái với tốc độ tăng 2,91%, tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh với hoạt động chiếm tỷ trọng cao nhất là xuất khẩu gạo, KiGiMex luôn chịu tác động bởi rất nhiều yếu tố trên thị trường, đặc biệt là quan hệ cung - cầu. Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất - nhập khẩu của Việt Nam. Hơn nữa, trong năm 2020, tại các thị trường truyền thống của KGM liên tục có nhiều biến động ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng xuất khẩu của KGM như thị trường Ghana bất ổn định do dự kiến năm bầu cử, Chính phủ Ghana có thể tăng thuế để bảo hộ sản xuất trong nước; Thị trường Timor;

Thị trường Timor dự kiến giảm sản lượng gạo trắng thông dụng do sự cạnh tranh nguồn và giá các nước khác (tồn kho vụ cũ của Trung Quốc, gạo vụ mới của Pakistan, Ấn độ, Myanmar).

Do nhu cầu gạo thế giới tăng cao từ đợt dịch Covid-19, KGM đang có cơ hội đẩy tăng cả về lượng lẫn giá xuất khẩu. Ngoài ra, Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 mở cánh cửa vào thị trường EU cho các Doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam nói chung và KGM nói riêng. Qua đó, EVFTA sẽ tiến tới loại bỏ thuế đối với 99% tất cả hàng hóa được giao dịch giữa EU và Việt Nam và thuế suất về 0% sau 3-5 năm. Điều này tạo ra những tác động tích cực trong việc thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu và thương mại quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia trong khối EU. Đây là cơ hội lớn giúp đa dạng hóa thị trường cho gạo xuất khẩu Việt Nam cũng như KGM.

Tháng 10/2019, Cục phòng vệ Thương mại (Bộ Công thương Philippines) chính thức thông báo nước này sẽ không áp thuế nhập khẩu gạo bổ sung đối với gạo nhập khẩu trong thời gian tới. Từ đó, Philippines trở thành thị trường tiềm năng của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam. Vì vậy, để hạn chế các tác động tiêu cực từ biến động nền kinh tế, KGM cần mở rộng chuyển hướng và đa dạng hóa thị trường.

KGM là một chủ thể trong nền kinh tế cho nên những điều kiện thuận lợi hay không thuận lợi từ nền kinh tế sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự tăng trưởng của ngành lúa gạo nói chung và KiGiMex nói riêng.



Rủi ro tỷ giá

Hoạt động chủ lực của KGM là xuất khẩu gạo, vì vậy yếu tố tỷ giá có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Tỷ giá USD/VND liên tục giảm từ cuối tháng 05/2020 cho đến nay, cụ thể từ mức đỉnh 23.650 đồng/USD, tỷ giá đã giảm nhanh và dao động ở mức 23.200 đồng/USD vào thời điểm cuối tháng 6. Trên thị trường tự do, tỷ giá giao dịch cũng hạ nhiệt về mức 23.190 - 23.220 đồng/USD. Song, nhờ việc Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm, phối hợp đồng bộ các biện pháp, công cụ chính sách tiền tệ để điều tiết thanh khoản, lãi suất VND hợp lý, tạo điều kiện giữ ổn định tỷ giá cũng như tâm lý thị trường. Để ứng phó trước diễn biến phức tạp của tỷ giá trong thời gian sắp tới, KGM cần liên tục theo dõi tình hình tỷ giá nhằm đưa ra các quyết định phù hợp, nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh, giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro lãi suất

Với các doanh nghiệp, vốn vay là một phần quan trọng trong tổng nguồn. Do đó, chi phí sử dụng vốn cho các khoản vay ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Một sự thay đổi bất thường trong lãi suất có thể ảnh hưởng đến toàn bộ chi phí doanh nghiệp nói chung cũng như chi phí lãi vay nói riêng. Rủi ro lãi suất biến động tăng trên thị trường khiến chi phí đi vay của doanh nghiệp tăng ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong thời gian từ đầu năm 2020 đến nay do ảnh hưởng của dịch Covid-19, để giúp đỡ các doanh nghiệp vượt qua thời kỳ khó khăn, các ngân hàng đã đồng loạt giảm lãi suất để các khách hàng có cơ hội tiếp cận nguồn tín dụng tốt hơn với lãi suất cạnh tranh giúp doanh nghiệp giảm chi phí vốn vay.

Rủi ro thanh khoản

Doanh số bán hàng các mặt hàng về lương thực của KGM đạt mức khá cao. Rủi ro về thanh khoản do nhiều nguyên nhân gây ra, do đó Công ty luôn lập kế hoạch và dự báo dòng tiền để đảm bảo thanh khoản trong mọi tình huống. Trong năm 2020, kỳ thu tiền là 23 ngày (cao hơn so với năm 2019 là 15 ngày), vòng quay khoản phải thu tuy thấp hơn năm trước nhưng vẫn đảm bảo tính thanh khoản khá tốt.

Hàng tồn kho vào năm 2020 chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng tài sản của công ty (khoảng 52,84%) và tăng lên khoảng 2 lần so với cùng kỳ năm trước, gây ra việc tiêu tốn nhiều chi phí cho công ty như chi phí bảo quản cũng như các chi phí bù đắp vào phần hư hỏng, thất thoát của nguyên liệu, thành phẩm. Vì thế, Công ty luôn đưa ra những biện pháp khắc phục cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh.



Rủi ro pháp luật

Các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam đều chịu sự chi phối từ các văn bản Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Lao động, ... và các văn bản dưới Luật liên quan. Trong giai đoạn hội nhập hiện nay, Chính phủ đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam để thu hút nguồn vốn bên ngoài. Chính vì thế, các chính sách kinh tế trong thời gian tới có thể sẽ có những thay đổi.

Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu gạo của KGM cũng chịu ảnh hưởng bởi các chính sách của nước nhập khẩu cũng như quan hệ thương mại giữa các nước với Việt Nam. Sự thay đổi thường xuyên của hệ thống pháp luật và chính sách liên quan sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

Ngày 12/06/2020, Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp 2020 và sẽ có hiệu lực thi hành vào ngày 01/01/2021. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với KGM khi Chính phủ đang hướng tới một hành động pháp lý chặt chẽ và khoa học hơn. Do đó, bên cạnh việc nghiêm chỉnh chấp hành theo các quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, KGM cần thường xuyên cập nhật thông tin và linh hoạt điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp để tránh vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến tài chính và hình ảnh của doanh nghiệp.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Về ngành hàng lương thực, nguyên liệu là lúa và gạo các loại. Do sản xuất lúa vụ Đông Xuân hằng năm thường cho năng suất, sản lượng và chất lượng lúa tốt nhất trong năm, nên các công ty tập trung mua vào lúa, gạo vụ Đông Xuân theo chỉ tiêu kế hoạch để chế biến xuất khẩu theo đơn đặt hàng của khách hàng và dự trữ để chế biến tiêu thụ; giá mua theo giá thị trường tại thời điểm. Tuy nhiên, với diễn biến khó lường của thị trường tiêu thụ, khi giá lúa xuống sẽ chịu nhiều rủi ro. Để tránh rủi ro, các đơn vị thành viên đã chủ động hợp tác, liên kết với nông dân, hợp tác xã để xây dựng vùng nguyên liệu.

Năm 2020, do sự ảnh hưởng bởi các đợt áp thấp nhiệt đới và bão liên tục, cùng với việc đánh bắt không theo vụ mùa, không chọn lọc, thiếu kiểm soát đang dẫn tới suy kiệt nguồn cá cơm hiện nay, ảnh hưởng đến sản lượng cung ứng của công ty. Hơn thế nữa, trong năm 2020 thế giới còn phải chứng kiến sự khủng hoảng giá xăng dầu đi kèm với đại dịch Covid-19 lan rộng. Giá dầu giảm về mức 20 USD/thùng khiến cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong đó có KGM. Để khắc phục các rủi ro trên, công ty luôn thiết lập mối quan hệ lâu dài và uy tín với những đối tác lớn cũng như thường xuyên mở rộng mối quan hệ hợp tác với các nhà cung cấp để có nguồn nguyên liệu với giá hợp lý, đảm bảo nguồn cung cho thị trường.

Rủi ro cạnh tranh

KGM phải chịu sức ép cạnh tranh không chỉ từ các doanh nghiệp trong nước mà còn bởi các đối thủ từ các quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới như Thái Lan, Ấn Độ, và một số nước mới gia nhập vào thị trường như Campuchia, Mi-an-ma, Pakistan, ... Sự cạnh tranh trong ngành tăng cao cũng đồng nghĩa với việc công ty sẽ phải đưa ra những chiến lược kinh doanh mới, kéo theo là những chi phí như quảng cáo, hậu mãi cũng tăng lên làm giảm biên lợi nhuận. Do đó, KGM không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh; tiến hành phân tích, tìm kiếm thị trường tiềm năng, đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu chi phí, ... để tăng nguồn khách hàng, hạn chế sự cạnh tranh.



Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro chính, KGM còn phải chú ý đến các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động, ... Những rủi ro này tuy hiếm xảy ra nhưng nó có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động của KGM. Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội, ... thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	30
Tổ chức nhân sự	33
Tình hình tài chính	44
Cơ cấu cổ đông	46
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	47
Báo cáo phát triển bền vững	48



*“Ấm no cùng
gạo Việt”*

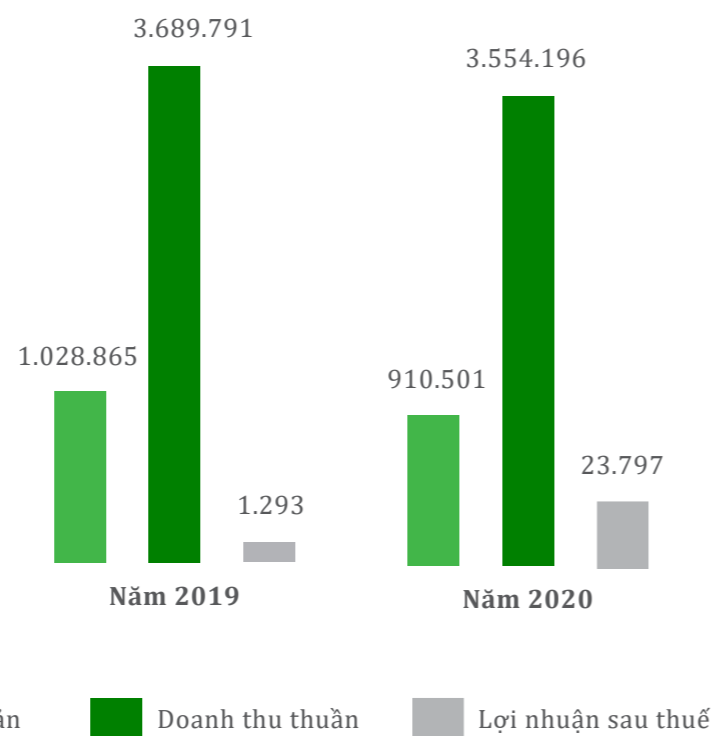


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%2020/2019
1	Tổng giá trị tài sản	1.028.865	910.501	88,50%
2	Doanh thu thuần	3.689.791	3.554.196	96,33%
3	Chi phí tài chính	40.174	36.431	90,68%
4	Chi phí bán hàng	226.114	200.388	88,62%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.740	37.294	164,00%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	8.638	22.558	261,15%
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.174	30.204	489,21%
8	Lợi nhuận khác	203	(4.050)	- 1995,07%
9	Lợi nhuận trước thuế	6.377	26.153	410,11%
10	Lợi nhuận sau thuế	1.293	23.797	1840,45%



Sản lượng tiêu thụ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ (%)
1	Gạo	tấn	331.161	283.175	85,51%
+	Xuất khẩu	tấn	218.243	219.403	100,53%
-	Thành phẩm	tấn	218.243	219.403	100,53%
+	Nội địa	tấn	112.917	63.771	56,48%
-	Thành phẩm	tấn	96.962	54.512	56,22%
-	Phụ phẩm, lúa	tấn	15.956	9.258	58,02%
2	Xăng, dầu	m³	23.894	21.513	90,04%
3	Cá cơm các loại	tấn	298	415	139,60%
+	Xuất khẩu	tấn	218	270	123,85%
+	Nội địa	tấn	80	145	182,50%

Năm 2020, lợi nhuận sau thuế đạt 23,797 tỷ đồng, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước với tỷ lệ tăng 1740% tương đương tăng 22,504 tỷ đồng. Vụ Đông Xuân 2019 – 2020 chất lượng tốt, Công ty đã kịp thời mua vào, bán ra được giá tốt so với cùng kỳ; trong tháng 03 – 04/2020, giá xuất khẩu tăng và đứng ở mức cao, thị trường Châu Phi có nhu cầu trở lại, đặc biệt là thị trường Ghana là thị trường truyền thống và mang lại hiệu quả cho Công ty. Hơn nữa, công tác quản lý chi phí luôn được Công ty kiểm soát tốt, cụ thể giảm 5,16%, tương đương 14.915 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Đây chính là những nguyên nhân giúp lợi nhuận sau thuế của KiGiMex năm 2020 tăng trưởng vượt bậc so với năm 2019. Ngoài ra, khoản lãi chênh lệch tỷ giá được đánh giá lại theo quy định của Bộ Tài chính phát sinh từ các hợp đồng vay ngoại tệ của Công ty đã giúp doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 161,12%, tương đương 13.468 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

Với diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 từ đầu năm 2020 đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Việc các nước áp dụng các biện pháp hạn chế đi lại tiếp tục gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Song kim ngạch xuất khẩu đối với ngành hàng lương thực hay cá cơm đều có sự tăng nhẹ, cụ thể xuất khẩu ngành hàng lương thực (lúa, gạo quy ra gạo) tăng 0,53% tương đương tăng 1.161 tấn, ngành hàng cá cơm tăng 39,60% tương đương tăng 118 tấn so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là trong vụ Đông - Xuân 2019 - 2020 lúa đạt chất lượng tốt, công ty kịp thời mua vào, bán ra được giá tốt; thị trường Châu Phi có nhu cầu trở lại, đặc biệt là thị trường Ghana là thị trường truyền thống và mang lại hiệu quả cho Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2020, ở thị trường nội địa do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 và sự cạnh tranh gay gắt giữa các thương hiệu khác cả về chất lượng lẫn giá cả gây ảnh hưởng đến nhu cầu của người tiêu dùng, dẫn tới sự sụt giảm về sản lượng tiêu thụ đối với ngành hàng lương thực – giảm 14,49% tương đương giảm 47.986 tấn.

Doanh thu ba ngành hàng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu lương thực	3.283.279	88,98%	3.260.448	91,74%
Doanh thu cá cơm	377.615	10,23%	259.634	7,31%
Doanh thu xăng dầu	28.897	0,78%	34.114	0,96%
Tổng	3.689.791	100,000%	3.554.196	100,000%

Cơ cấu doanh thu ba ngành hàng năm 2020 của KiGiMex không có sự thay đổi quá lớn so với năm trước. Trong đó, doanh thu từ mặt hàng lương thực vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 91,74% doanh thu thuần, tương đương 3.260.448 triệu đồng, chủ yếu đến từ doanh thu gạo thành phẩm xuất khẩu. Doanh thu cá cơm và xăng dầu lần lượt chiếm tỷ trọng 7,31% và 0,96% trên tổng doanh thu toàn Công ty, tương đương 259.634 triệu đồng và 34.114 triệu đồng.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Thị Điệp	Phụ trách kế toán

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

**Bà: DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT****Chức vụ:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**Năm sinh:** 1975**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính Kế toánQuá trình hình thành

- 07/1999 - 04/2001: Nhân viên Công ty Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang.
- 05/2001 - 05/2005: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 06/2005 - 03/2009: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 04/2009 - 06/2009: Phó phòng phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2009 - 05/2010: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 06/2010 - 03/2015: Trưởng phòng phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2015 - 06/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2016 - 09/2016: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 10/2016 - 08/05/2018: Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 09/05/2018 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, người công bố thông tin Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu: 101.500 cổ phần, chiếm 0.40% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 5.926.800 cổ phần, chiếm 23.31% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần).



TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)



Ông: PHẠM MINH TRUNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 19/02/1981

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình hình thành

- 11/1999 - 12/2006 Nhân viên Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2007 - 11/2008 Quyền Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Kiên Long, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 12/2008 - 03/2009 Phó phòng phòng Kế hoạch Kinh doanh – Kỹ thuật Đầu tư, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 04/2009 - 12/2015 Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2016 - 06/2016 Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng .
- 07/2016 – 04/2019 Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2019 - đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu: 51.700 cổ phần, chiếm 0.2% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Bà: TRẦN THỊ ĐIỆP

Chức vụ: Phụ trách kế toán

Ngày sinh: 08/02/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình hình thành

- 08/1999 - 01/2001 Công tác tại Đội tham mưu tổng hợp Công an thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
- 01/2001 – 09/2003 Nhân viên kế toán Nhà máy Chế biến Lương thực Xuất khẩu 1A trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 10/2003 – 01/2008 Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 02/2008 – 04/2009 Nhân viên kế toán Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2009 – 04/2011 Tổ trưởng Tổ kế toán Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2011 – 12/2015 Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2016 – 09/2016 Phó trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 10/2016 - 22/10/2019 Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 23/10/2019 đến nay Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu: 4.500 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

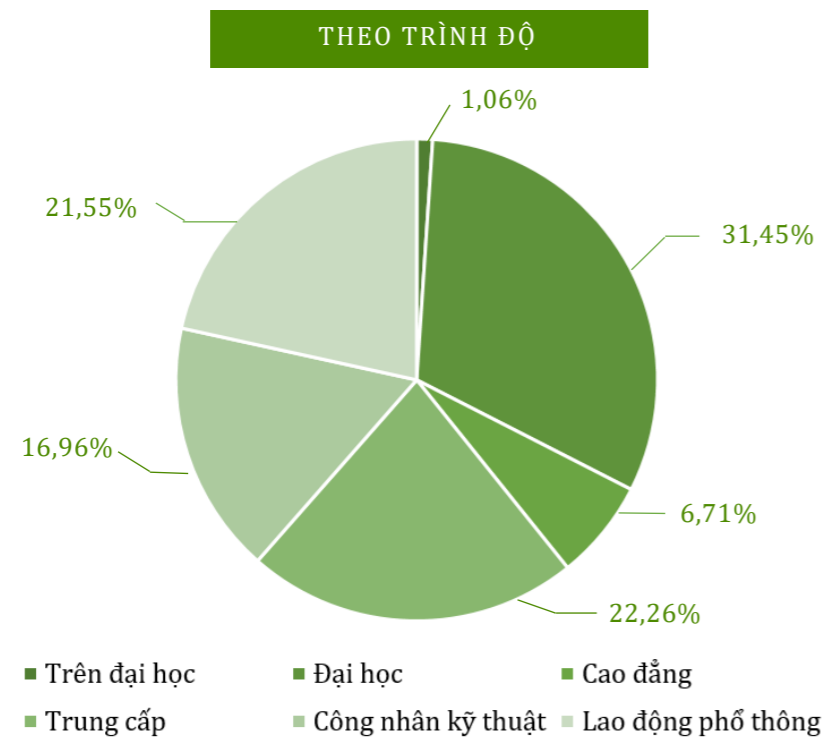




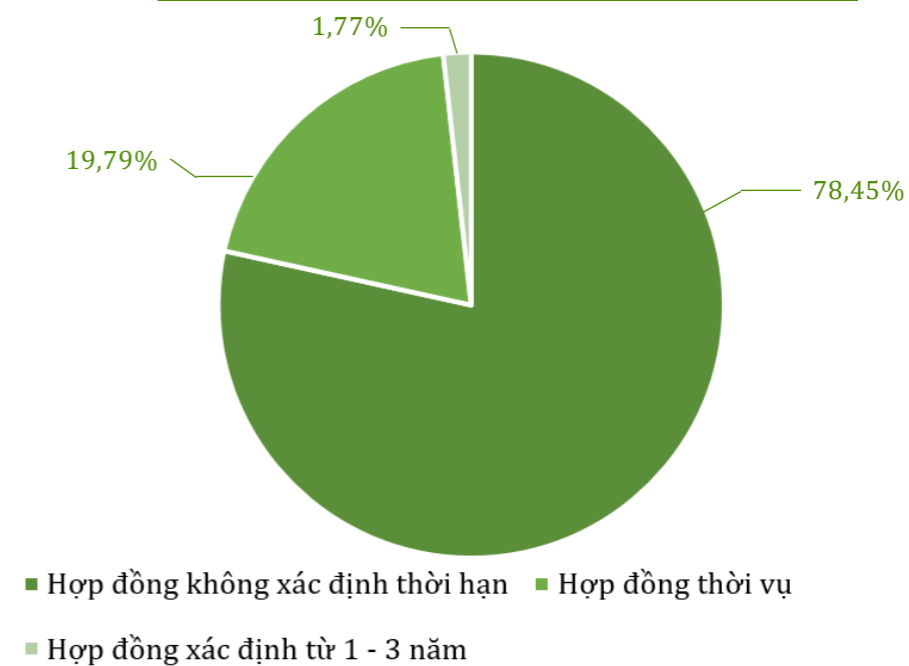
TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

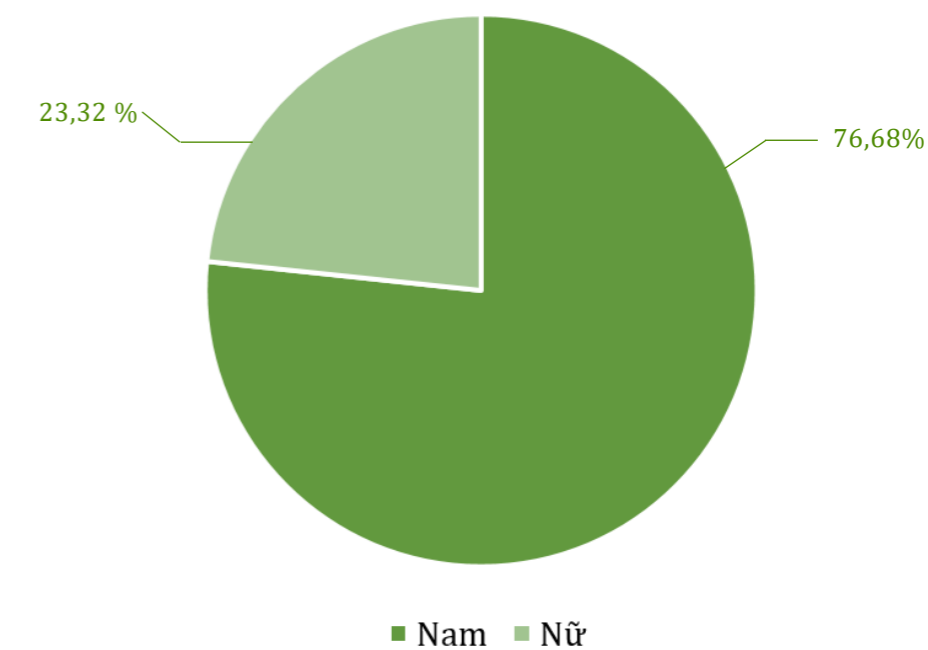
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ	283	100,00%
1	Trên đại học	3	1,06%
2	Đại học	89	31,45%
3	Cao đẳng	19	6,71%
4	Trung cấp	63	22,26%
5	Công nhân kỹ thuật	48	16,96%
6	Lao động phổ thông	61	21,55%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	283	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	222	78,45%
2	Hợp đồng theo thời vụ	56	19,79%
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	5	1,77%
III	Theo giới tính	283	100,00%
1	Nam	217	76,68%
2	Nữ	66	23,32%



THEO TÍNH CHẤT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



THEO GIỚI TÍNH





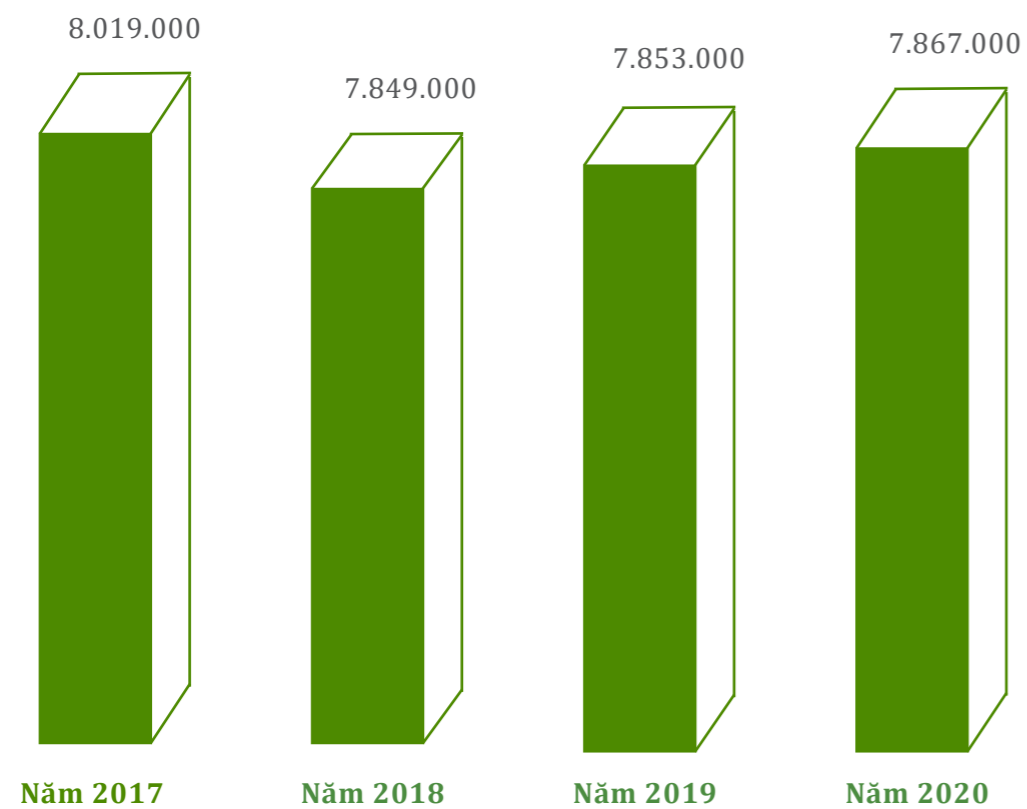
TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động bình quân (người)	272	287	281	280
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.019.000	7.849.000	7.853.000	7.867.000

Tổng số lượng cán bộ, công nhân viên của KGM đến ngày 31/12/2020 là 283 người, trong đó: 05 người quản lý và 278 người lao động. Trong đó, phân theo trình độ lao động, chiếm tỷ trọng lớn nhất là lao động có trình độ đại học chiếm 31,45% trong tổng cơ cấu lao động của Công ty.

Thu nhập bình quân của người lao động tại KGM trong năm 2020 là 7.867.000 đồng/người/tháng, tăng 0,18% so với năm 2019.





TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)

Chính sách lương thưởng

- » KGM xây dựng chính sách lương cán bộ công nhân viên phù hợp với năng lực công tác và vị trí phụ trách. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu suất lao động của cán bộ công nhân viên; từ đó, có đánh giá và điều chỉnh mức lương phù hợp cho nhân viên trên toàn Công ty.
- » Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, nhằm thu hút nhân tài, Công ty có chính sách thu nhập đặc biệt cạnh tranh đối với các nhân sự giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân người lao động, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc.



Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- » **Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắc khe với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
- » **Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ công nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.
- » **Đào tạo:** Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý sản xuất kinh doanh, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất sản phẩm,...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.



Chính sách phúc lợi

- » Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.
- » **Chế độ bảo hiểm:** Ban điều hành chịu trách nhiệm về việc trích nộp và thanh toán các chế độ bảo hiểm của người lao động đúng theo quy định của Nhà nước.
- » **Chế độ làm việc:** Công ty thực hiện chế độ 08 giờ/ngày, 44 - 48 giờ/tuần



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%2020/2019
1	Tổng doanh thu	3.689.959	3.565.574	96,63%
2	Doanh thu thuần	3.689.791	3.554.196	96,33%
3	Lợi nhuận trước thuế	6.377	26.153	410,11%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.293	23.797	1840,45%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)			



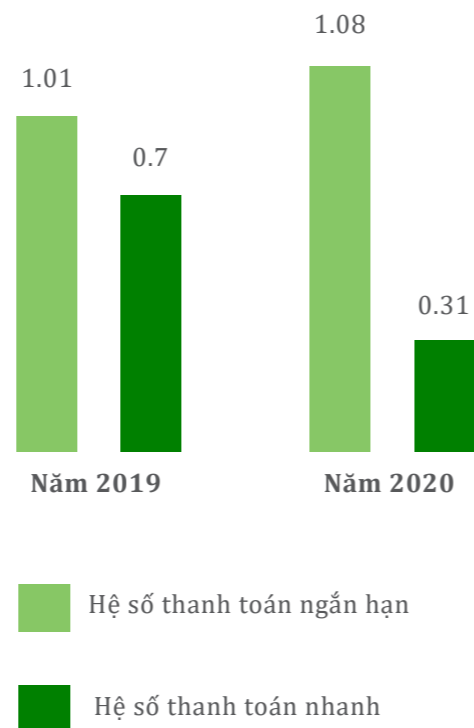
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
-	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1.01	1.08
-	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.7	0.31
II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	75,02	69,16
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	300,34	224,26
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
-	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9,17	9,16
-	Vòng quay tổng tài sản	vòng	3,54	3,67
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	0,04	0,67
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	0,49	8,85
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,12	2,45
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,17	0,85

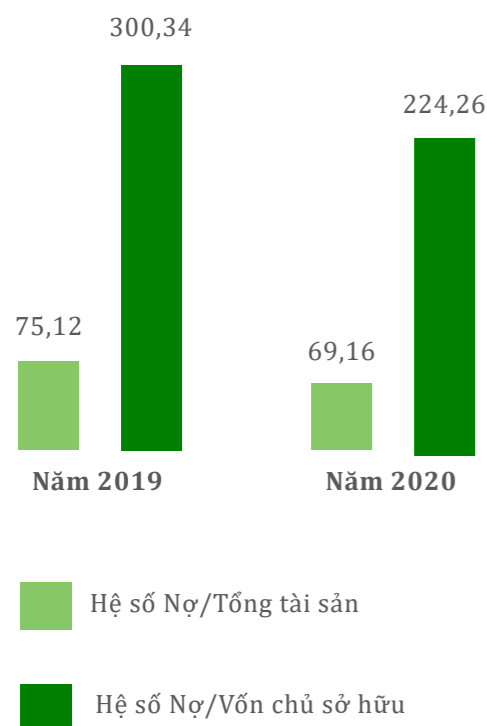


Khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2020 tăng nhẹ so với năm 2019 từ 1,01 lần xuống 1,08 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do tài sản ngắn hạn của Công ty giảm 14,22%, từ 775.160 triệu đồng xuống 678.648 triệu đồng, chủ yếu đến từ sự sụt giảm của khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trong đó khách hàng lớn nhất của KiGiMex là Công ty AT Korea Agro – Fisheries and Food Trade Corporatioa (giảm 252.061 triệu đồng) và Louis Drefus Asia PTE LTD (giảm 121.058 triệu đồng). Nợ ngắn hạn giảm 18,38%, trong đó tuy khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng 267.453 triệu đồng, nhưng khoản vay ngắn hạn lại giảm mạnh 419.612 triệu đồng. Ngoài ra, khoản mục hàng tồn kho (chiếm tỷ trọng cao trong tài sản ngắn hạn) tăng khá lớn từ 246.771 triệu đồng năm 2019 lên tới 527.731 triệu đồng năm 2020, chủ yếu là do nhu cầu thị trường đang tăng lên nên Công ty có kế hoạch dự trữ cho những đơn hàng lớn vào năm sau. Đây cũng chính là lý do làm khả năng thanh toán nhanh giảm khá nhiều từ 0,7 lần trong năm 2019 xuống còn 0,31 lần trong năm 2020. Nhìn chung, các hệ số thanh toán của KGM vẫn ở mức khá so với các doanh nghiệp cùng ngành, khả năng thanh toán của Công ty được duy trì ở mức ổn định.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN



CƠ CẤU VỐN



Cơ cấu vốn

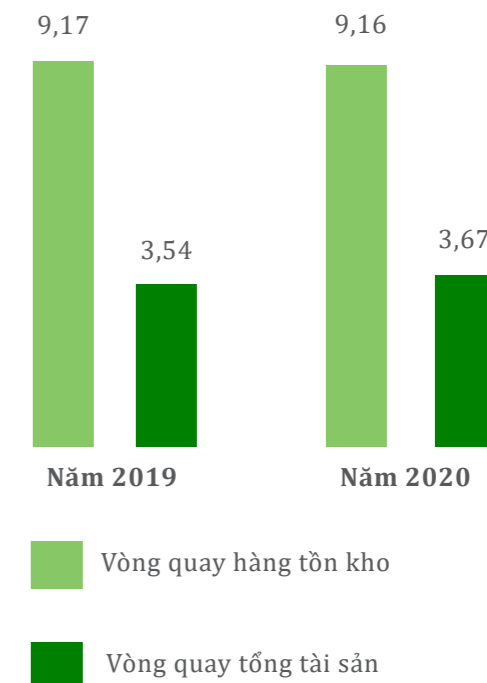
Năm 2020, KGM vẫn duy trì cơ cấu vốn không có nhiều thay đổi so với năm 2019, tỷ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 75,02% xuống 69,16%; hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm từ 300,34% xuống 224,26%. Nợ phải trả giảm đến từ việc khoản vay ngắn hạn của Công ty giảm xuống, chủ yếu do khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ... vào thời điểm cuối năm 2020 giảm 419.612 triệu đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty không thay đổi quá nhiều so với cùng kỳ năm trước, tăng khoảng 9,26% tương đương 23.797 triệu đồng. Nhờ vậy, hai chỉ tiêu nợ được duy trì ở mức ổn định, đảm bảo khả năng thanh toán. Có thể nói Công ty đang khai thác sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý để tài trợ cho hoạt động kinh doanh đạt được hiệu quả tối ưu.



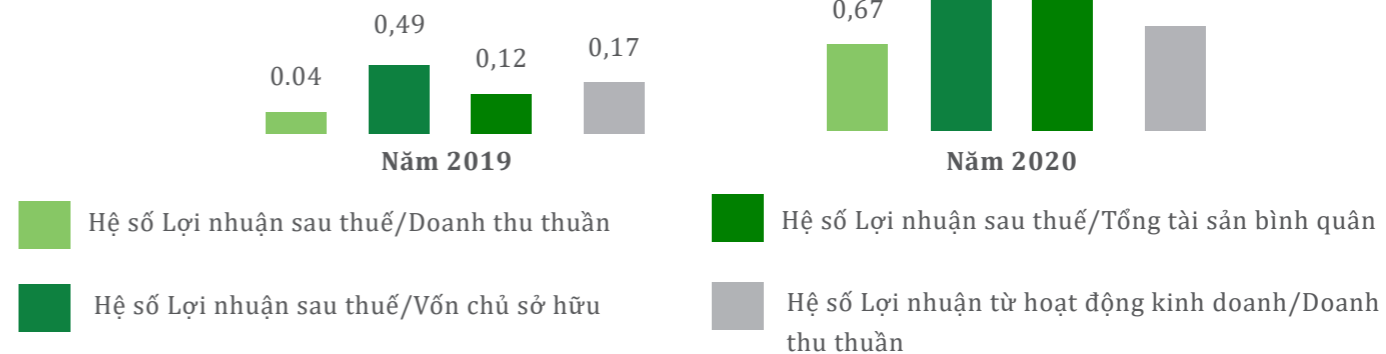
Năng lực hoạt động

Hai chỉ tiêu thể hiện năng lực hoạt động của KGM năm 2020 vẫn giữ ổn định. Vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ từ 9,17 vòng xuống 9,16 vòng nhưng vẫn ở mức khá cao. Vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ 0.12 vòng so với cùng kỳ năm 2019. Điều này cho thấy được công tác quản trị hàng tồn kho cũng như sử dụng tài sản khá hiệu quả của KiGiMex, cũng như là các chiến lược mở rộng mạng lưới kinh doanh đang dần hiệu quả, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



KHẢ NĂNG SINH LỜI



Khả năng sinh lời

Trong năm 2020, lợi nhuận sau thuế của KGM tăng mạnh gần 18,42 lần so với cùng kỳ năm trước, kéo theo sự tăng lên đáng kể các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty. Các chỉ số ROE tăng từ 0,49% lên 8,85% và ROA tăng từ 0,12% lên 2,45%. Sự tăng trưởng vượt bậc này là nhờ vào sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty trong tình hình ảnh hưởng của dịch Covid-19, đồng thời việc mở rộng tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu gạo tiềm năng, ổn định sản lượng xuất khẩu tại các thị trường truyền thống khác của Công ty cũng là nguyên nhân giúp cho sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cho KGM.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 25.430.000 cổ phiếu
 + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 25.430.000 cổ phiếu
 + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
 Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2020

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	25.430.000	254.300.000.000	100,00%
1	Cá nhân	4.145.200	41.452.000.000	16,30%
2	Tổ chức	21.284.800	212.848.000.000	83,70%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Tổng Công ty lương thực Miền Nam - CTCP	21.184.800	83,31%
2	DNTN Tân Tấn Lộc	100.000	0,39%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

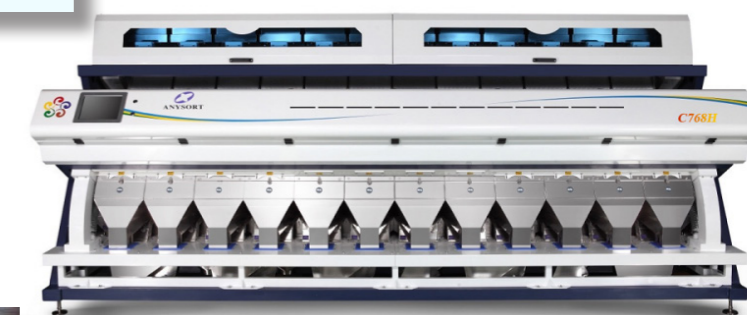
Các chứng khoán khác: Không có



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm Công ty đã đầu tư, xây dựng cơ bản

- Đầu tư thêm 02 máy lau bóng SINCO và thiết bị phụ trợ;
- Đầu tư 01 máy tách màu công suất 10-14 tấn/ giờ và máy nén khí;
- Thiết bị phụ trợ;
- Hệ thống cân đóng túi (04 cân loại 03 miệng xả) 1kg – 5kg + thiết bị phụ trợ;
- Hệ thống băng tải trên không.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

“
Xăng dầu và điện năng là 2 nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu của KiGiMex. Hằng năm, Công ty sử dụng năng lượng từ xăng dầu để phục vụ cho công tác vận chuyển hàng hóa. Vì vậy, Công ty đã xây dựng các chính sách để sử dụng 2 nguồn năng lượng này tiết kiệm và hiệu quả.”

Về điện năng

Quản lý tốt việc tiêu thụ điện năng sẽ góp phần giảm chi phí, bảo vệ môi trường. Vì vậy, Công ty luôn có những biện pháp tiết kiệm nguồn năng lượng điện bằng nhiều biện pháp:

- » Tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ về việc sử dụng điện trong Công ty, nhằm đảm bảo việc tiết kiệm điện trở thành thói quen và văn hóa Công ty;
- » Thực hiện tiết kiệm điện, tắt đèn, máy lạnh, quạt khi không sử dụng;
- » Tắt nguồn các thiết bị điện khi không có người làm việc;
- » Nhằm giảm sự thất thoát nhiệt khi bật điều hòa, phòng phải luôn đóng kín cửa;
- » Thay thế các thiết bị điện cũ, cải tiến hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn tiết kiệm nhiên liệu.

Về xăng dầu

Công ty sử dụng năng lượng từ xăng dầu để phục vụ cho công tác vận chuyển hàng hóa. Là một doanh nghiệp có kinh doanh xăng dầu, KGM luôn chú trọng việc sử dụng tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu chi phí hằng năm. Công ty thay thế các thiết bị điện cũ, cải tiến hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn tiết kiệm nhiên liệu.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- » Nhận thức được, bảo vệ môi trường tự nhiên sẽ mang lại nhiều lợi ích đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cả cộng đồng, Công ty luôn chú trọng về vấn đề bảo vệ và tuân thủ pháp luật môi trường. Trong năm qua, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị xử lý về vi phạm quy định về môi trường.
- » Công ty phối hợp với Công đoàn Công ty thực hiện tuyên truyền, triển khai chương trình Giờ Trái Đất, thực hiện chính sách tiết kiệm điện, nước đến người lao động, cán bộ công nhân viên.

» Chính sách liên quan đến người lao động

KGM luôn coi trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc nhằm tạo điều kiện cho người lao động phát huy năng lực. Công ty thể hiện trách nhiệm đối với người lao động chủ yếu dựa trên 3 yếu tố:

An toàn, sức khỏe

Ngoài việc tuân thủ chế độ đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật, quy định về an toàn lao động, KGM còn chăm lo sức khỏe nhân viên bằng việc hỗ trợ chi phí điều trị tại bệnh viện, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội giải quyết kịp thời và đầy đủ cho người lao động như chế độ bệnh tật, chế độ thai sản... Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các khóa huấn luyện phòng cháy chữa cháy, sơ cứu - cấp cứu, vệ sinh - an toàn thực phẩm,...

Đảm bảo công bằng

Văn hóa cạnh tranh công bằng được áp dụng đối với người lao động từ khâu tuyển dụng, đào tạo, phát triển và cơ hội thăng tiến. Tại KGM, Công ty ưu tiên sử dụng lao động địa phương và đặc biệt tôn trọng quyền bình đẳng giới, dành cơ hội phát triển công bằng cho cả nhân viên nam và nữ. Hiện nay, tổng số lao động của KGM (tính đến 31/12/2020) có 283 người, trong đó, số lượng nhân viên nữ chiếm 23,32%.

Cơ hội phát triển

Tại KGM, công việc được sắp xếp, phân công sao cho phù hợp với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi nhân viên luôn có ý thức phải nỗ lực hết mình. Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khóa đào tạo học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm KGM tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ nhằm nâng cao nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ nhân viên; thường xuyên mở lớp huấn luyện sử dụng phần mềm thống kê, phần mềm kế toán, đào tạo đánh giá viên nội bộ, hướng dẫn vận hành an toàn máy móc, thiết bị tại các nhà xưởng.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh	50
Tình hình tài chính	52
Kế hoạch phát triển tương lai	54
Các biện pháp thực hiện	56

*“Ấm no cùng
gạo Việt”*



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Những thuận lợi, khó khăn



Thuận lợi

- » Công ty tiếp tục được sự quan tâm hỗ trợ của cổ đông lớn là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần và Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, định hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- » Cơ hội từ đợt dịch Covid-19 trong thời điểm tháng 04, 05/2020, nhu cầu tích trữ đợt biến tăng mạnh, khách hàng chấp nhận giá mua cao so với thời điểm đầu năm từ 30\$/mt - 40\$/mt;
- » Thị trường, khách hàng Ghana tăng sản lượng so với cùng kỳ (tăng trên 40%), nhờ yếu tố bất thường tại Ghana do dịch Covid-19;
- » Công ty dự báo đúng thời điểm giá thấp mua vào được sản lượng;
- » Công ty có bước chuẩn bị tốt và thích ứng với những biến động và thay đổi của thị trường, đặc biệt là xuất khẩu gạo chất lượng cao;
- » Công ty có mối quan hệ tốt với khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là những khách hàng truyền thống luôn đồng hành và ủng hộ Công ty;
- » Được các ngân hàng thương mại hỗ trợ cho vay đủ và kịp thời nhu cầu vốn theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- » Công ty có được sự quyết tâm đoàn kết của tập thể Ban Lãnh đạo và CB.NV trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.



Khó khăn

- » Thiếu nguồn nhân lực làm công tác phát triển thị trường;
- » Tuy được các ngân hàng thương mại hỗ trợ vay vốn kinh doanh, nhưng chỉ được giải ngân khi có hợp đồng bán ra;
- » Vấn đề khó khăn lớn nhất hiện nay của Công ty là chưa phát triển được thị trường mới là do hạn chế năng lực cạnh tranh, cụ thể chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cao hơn nhiều so với thị trường, chất lượng sản phẩm chưa đáp được nhu cầu thị trường, khách hàng, nguyên nhân chính là do định phí Công ty lớn (trên 86,17 tỷ đồng) và tình trạng máy móc thiết bị thiếu đồng bộ, đến nay đã xuống cấp, công nghệ lạc hậu, hiệu suất sử dụng rất thấp so với công suất thiết kế;
- » Việc đầu tư nâng cấp máy móc, thiết bị để đáp ứng nhu cầu của thị trường chưa được triển khai đồng bộ do Công ty thiếu vốn đầu tư, chỉ ưu tiên thực hiện các hạng mục, dự án cấp thiết nhất.

Đối với mặt hàng gạo

- » Cơ chế, chính sách của các nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới thay đổi, trong đó có Việt Nam (thực hiện chuyển đổi cơ chế từ kinh doanh xuất khẩu gạo có điều kiện theo Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04/11/2010 sang tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cùng tham gia xuất khẩu gạo theo Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15/08/2018 của Chính phủ) đã gây khó khăn đến hoạt động xuất khẩu gạo và chủ trương tạm ngưng xuất khẩu gạo từ ngày 24/03/2020 đến 00h00 ngày 01/05/2020 để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong bối cảnh đại dịch Covid-19, hạn hán và xâm nhập mặn. Do đó, Công ty đã bị ảnh hưởng đến sản lượng bán ra;
- » Khách hàng Phoenix, Iraq giảm lượng mua trong năm;
- » Trong năm 2020, kinh tế toàn thế giới phải gánh chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề từ dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19, gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tiêu thụ tại hầu hết các nước. Việc Chính phủ các nước ban bố quyết định hạn chế đi lại, giãn cách xã hội cũng gây nên nhiều khó khăn cho tình hình tiêu thụ gạo của KGM ở cả thị trường nội địa lẫn xuất khẩu;
- » Tại các thị trường xuất khẩu lớn của Công ty như Ghana, Trung Quốc, Hàn Quốc.... sự biến động về nhu cầu của người tiêu dùng ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng xuất khẩu của KGM. Nguyên nhân chính là do hiệu ứng giá gạo cao của những năm trước nên nhiều quốc gia tăng diện tích và sản lượng lúa gạo. Điều này đã làm tăng nguồn cung sản lượng lúa gạo tạo nên áp lực cạnh tranh đối với Công ty;
- » Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, KGM không những chịu sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước cũng như là các đối thủ từ các quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới như Thái Lan, Ấn Độ và một số nước mới gia nhập vào thị trường như Campuchia, Mianma... Sự cạnh tranh trong ngành tăng cao đồng nghĩa Công ty cần phải đưa ra các chiến lược kinh doanh mới, kéo theo là những chi phí như quảng cáo, hậu mãi tăng lên làm giảm biên lợi nhuận;
- » Mùa vụ Đông Xuân 2019-2020 thu hoạch trễ hơn dự báo do thời tiết lạnh kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh lương thực của Công ty;
- » Chất lượng lúa, gạo còn phụ thuộc vào thời tiết, cơ cấu giống lúa sản xuất hàng vụ/năm, khó dự báo do chưa có cơ quan chính thống làm công tác này, dẫn đến các doanh nghiệp khó khăn trong công tác thu mua.

Đối với mặt hàng cá cơm

- » Sự cạnh tranh về thu mua nguyên vật liệu của Công ty không chỉ đến ngay từ ngoài biển đến bờ với các doanh nghiệp trong nước cũng như các doanh nghiệp Trung Quốc vào Việt Nam thu mua, sự tranh giành thị trường lẫn khách hàng của các doanh nghiệp bán cá lóc mặn trong bờ có giá thành rẻ hơn đã ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ.
- » Ngoài ra sự ảnh hưởng bởi các đợt áp thấp nhiệt đới và bão liên tục trong năm 2020, cùng với việc đánh bắt không theo vụ mùa, không chọn lọc, thiếu kiểm soát đang dẫn tới suy giảm nguồn cá cơm hiện nay, ảnh hưởng đến sản lượng cung ứng của Công ty.

Đối với mặt hàng xăng dầu

Mặt hàng xăng dầu là mặt hàng kinh doanh có tính đặc thù do Nhà nước quyết định giá mua, giá bán, tuy nhiên cũng có nhiều khó khăn. Hơn thế nữa, trong năm 2020 thế giới còn phải chứng kiến sự khủng hoảng giá xăng dầu đi kèm với đại dịch Covid-19 lan rộng, khiến cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh mặt hàng này, trong đó có KiGiMex. Tình trạng buôn lậu xăng dầu từ ngoài diễn biến phức tạp.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

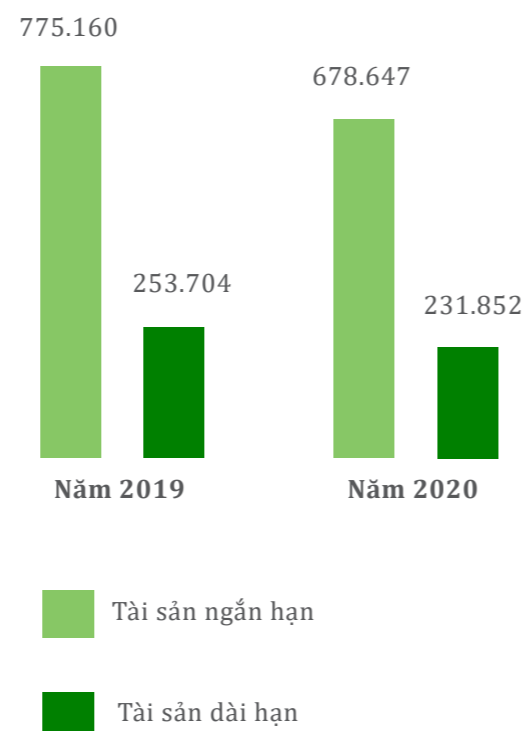
Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		TH 2020/ TH 2019
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I	Tài sản ngắn hạn	775.160	75,34%	678.647	74,54%	87,55%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	129.383	12,58%	112.004	12,30%	86,57%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.180	0,11%	-	-	-
3	Phải thu ngắn hạn	392.000	38,10%	63.456	6,97%	16,19%
4	Hàng tồn kho	233.260	22,67%	481.181	52,85%	206,29%
5	Phải thu ngắn hạn khác	19.337	1,88%	22.006	2,42%	113,80%
II	Tài sản dài hạn	253.704	24,66%	231.852	25,46%	91,39%
1	Phải thu dài hạn	48	0,00%	48	0,01%	100,00%
2	Tài sản cố định	209.979	20,41%	175.523	19,28%	83,59%
3	Tài sản dở dang dài hạn	1.360	0,13%	1.356	0,15%	99,71%
4	Tài sản dài hạn khác	42.317	4,11%	54.925	6,03%	129,79%
Tổng tài sản		1.028.864	100,00%	910.499	100,00%	88,50%

» Quy mô tài sản năm 2020 của Công ty giảm nhẹ so với năm 2019 với tỷ lệ giảm khoảng 9,79%, tương đương 118.365 triệu đồng. Tại thời điểm cuối năm 2020, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản, chiếm 74,54% và duy trì ổn định so với các năm trước. Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu đến từ lượng hàng tồn kho do Công ty triển khai mua hàng để dự trữ vào thời điểm cuối năm nhiều hơn so với cùng kỳ các năm trước. Công ty nhận định được tình hình tiêu thụ vào năm tới sẽ có xu hướng khả quan và đạt hiệu quả tốt.

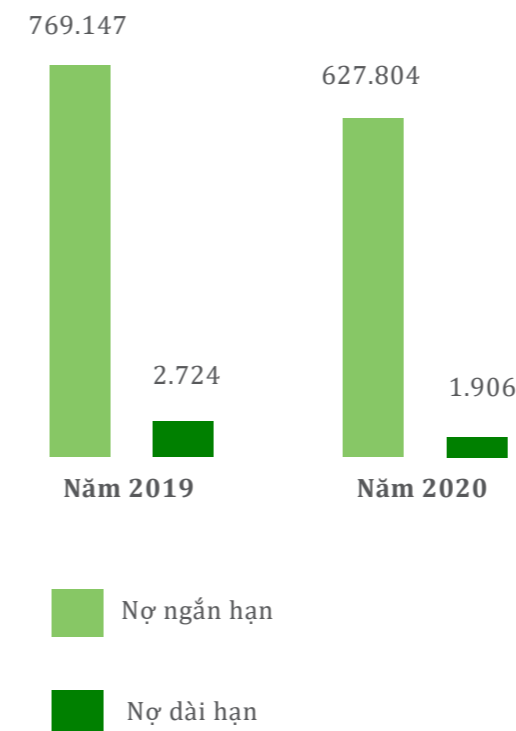
» Bên cạnh đó, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ hơn trong cơ cấu tài sản và giảm nhẹ 1,92%, tương đương giảm 12.608 triệu đồng so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2020, Công ty đã trích khấu tài sản cố định trên 26.244 triệu đồng.



Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		TH 2020/ TH 2019
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I	Nợ ngắn hạn	769.147	99,65%	627.804	99,70%	81,62%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	21.520	2,79%	288.974	45,89%	1342,82%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	47.712	6,18%	54.986	8,73%	115,25%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.109	0,53%	1.445	0,23%	35,17%
4	Phải trả người lao động	1.629	0,21%	11.127	1,77%	683,06%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	14.645	1,90%	2.465	0,39%	16,83%
6	Phải trả ngắn hạn khác	667	0,09%	8.501	1,35%	1274,51%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	675.558	87,52%	255.947	40,65%	37,89%
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	3.271	0,52%	-100,00%
9	Quỹ thưởng phúc lợi	3.307	0,43%	1.088	0,17%	32,90%
II	Nợ dài hạn	2.724	0,35%	1.906	0,30%	100,00%
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.724	0,35%	1.906	0,30%	69,97%
Nợ phải trả		771.870	100,00%	629.709	100,00%	81,67%



» Trong cơ cấu nợ phải trả năm 2020, nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao với 99,70% và giảm 18,38% so với cùng kỳ năm trước đó. Trong các khoản mục của nợ ngắn hạn, khoản vay ngắn hạn giảm 62,11% do Công ty thực hiện trả bớt nợ vay trong năm tại các Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, khoản phải trả người bán có sự biến động khá lớn khi tăng từ 21.520 triệu đồng lên 288.974 triệu đồng, tương ứng tăng 13,42 lần so với năm 2019, chủ yếu đến từ khoản phải trả đối với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Đại Tài và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hiếu Nhân.

» Nợ dài hạn chủ yếu đến từ nguồn vay nợ tại các Ngân hàng thương mại giảm nhẹ 821 triệu đồng tương ứng giảm 30,14% so với năm 2019. Nhìn chung, trong bối cảnh kinh tế đang chịu sự ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 kéo dài đến hiện tại, KGM đã kiểm soát các khoản nợ tương đối tốt, thúc đẩy hoạt động kinh doanh trong bối cảnh khó khăn hiện tại.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
I	Mua vào		
1	Lương thực (quy gạo)	Tấn	275.000
-	Lúa các loại	Tấn	10.000
-	Gạo thơm các loại	Tấn	270.000
2	Cá cơm (quy tươi)	Tấn	1200
3	Xăng dầu	Triệu lít	23
II	Bán ra		
1	Lương thực (quy gạo)	Tấn	275.000
-	Nội địa	Tấn	45.000
-	Xuất khẩu	Tấn	230.000
2	Cá cơm (quy thành phẩm)	Tấn	294
3	Xăng dầu	Triệu lít	23
III	Doanh thu	Triệu đồng	3.424.590
IV	Lợi nhuận (trước thuế)	Triệu đồng	17.800



CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN



Công tác thị trường, khách hàng

- » Xây dựng và thực hiện chiến lược hợp tác mở rộng phát triển quan hệ khách hàng, đối tác tại các thị trường thương mại chính của Công ty như Ghana, Bờ biển Ngà, Philippines, Timor, Hàn Quốc, đồng thời giữ vững mối quan hệ thân thiết với các khách hàng truyền thống của KiGiMex (Pricewill, Louis Dreyfus, Timor, Sweet Food Trading và một số khách hàng khác). Ngoài ra, Công ty tăng cường phát triển kinh doanh đa dạng hóa thị trường, tìm kiếm và mở rộng thêm các khách hàng mới và các thị trường tiềm năng.
- » Thường xuyên lên kế hoạch gặp gỡ khách hàng, trao đổi qua các phương tiện thông tin để đàm phán, duy trì và mở rộng quan hệ với khách hàng.
- » Thường xuyên cập nhật giá, tình hình sản xuất trong nước, thế giới để thông báo và chào giá cho khách hàng ở mức hợp lý nhất. Tăng cường công tác Marketing, nghiên cứu thị trường trong nước và ngoài nước, đặc biệt tại các thị trường mà công ty có quan hệ thường xuyên và lợi thế cạnh tranh.
- » Nghiêm túc thực hiện “Chính sách chất lượng” nhằm giữ vững thị trường, khách hàng bằng các giải pháp kiểm soát toàn diện quy trình từ mua hàng, xử lý chế biến, bảo quản và xuất hàng.

Công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh

- » Công ty đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch SXKD đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- » Thực hiện tốt công tác nắm bắt thông tin thời vụ, thị trường, ngư trường, xu hướng giá và nhu cầu khách hàng; Kiểm tra giám sát tốt trong hoạt động mua bán hàng hóa để phòng tránh rủi ro. Tổ chức thực hiện việc mua bán hàng hóa đúng Điều lệ, quy chế, quy định, quy trình hiện hành của Công ty và quy định của pháp luật. Kiểm soát, tiết chế giảm chi phí trong sản xuất, bán hàng, lựa chọn nhà cung cấp đủ năng lực với chi phí tối ưu.
- » Nâng cao chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng.
- » Tăng cường công tác giao dịch bán hàng và khai thác khách hàng, thị trường mới, đồng thời thực hiện tốt công tác duy trì, chăm sóc khách hàng truyền thống.
- » Thường xuyên tổ chức đánh giá nhà cung ứng.
- » Thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN



Về quản lý sản xuất chế biến lương thực

- » Công ty luôn bám sát thị trường, mở rộng thêm quan hệ với hàng xóm, đẩy mạnh mua vào bán ra đạt kế hoạch sản lượng và định phí.
- » Tăng cường kiểm soát đảm bảo chất lượng gạo đầu vào đạt đủ tiêu chuẩn và chất lượng theo từng loại thị trường.
- » Trong sản xuất chế biến luôn đảm bảo theo đúng quy chế quản lý sản xuất chế biến lương thực của Công ty, trong mua bán luôn đặc biệt chú trọng an toàn tiền hàng, thường xuyên kiểm soát chất lượng, số lượng hàng hóa.
- » Đánh giá lại mạng lưới thu mua, lực lượng cung ứng lúa gạo (hàng xóm, nhà cung ứng...), xây dựng giải pháp hợp lý để tăng cường thu mua đạt kế hoạch sản lượng và đúng chất lượng với giá hợp lý.
- » Xây dựng kế hoạch mua vào, bán ra đảm bảo phương án hiệu quả tối ưu dựa trên các tiêu chí: giá nguyên liệu đầu vào thấp, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, tăng tỷ lệ thu hồi, chất lượng đầu vào đảm bảo.
- » Thực hiện tồn kho hợp lý, hạn chế tối thiểu việc tồn dự lâu ngày hãy thất thoát, giảm chất lượng sản phẩm đồng thời tăng chi phí bảo quản, kho bãi.
- » Nâng cao tinh thần tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty.
- » Quan tâm duy trì thường xuyên công tác quét dọn kho bãi, hàng hóa, máy móc thiết bị, đảm bảo sạch sẽ và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Về quản lý sản xuất chế biến cá Cơm



- » Luôn nắm sát thông tin về ngư trường từng thời điểm, chủ động điều tàu thu mua khi có cá, cân đối hàng hóa tồn kho, hạn chế thu mua cá lẫn tạp làm tăng giá thành; Tạo mối quan hệ tốt với nhà cung cấp, có biện pháp hỗ trợ khi cần thiết.
- » Thường xuyên nắm thông tin thị trường, tăng cường trao đổi với khách hàng để nắm bắt nhu cầu tiêu thụ cá cơm.
- » Nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn ATVSTP để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- » Thực hiện giám sát tỷ lệ hao hụt trong sản xuất chế biến cá cơm.



Về kinh doanh xăng dầu

- » Theo dõi sát diễn biến thị trường xăng dầu Thế giới thông qua các kênh thông tin truyền thông cũng như trao đổi với khách hàng trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp trên toàn thế giới. KiGiMex giữ mối quan hệ với các doanh nghiệp đầu mối, nắm bắt thông tin về mức hoa hồng và chiết khấu, chính sách bán hàng trong từng thời điểm của từng doanh nghiệp.
- » Theo dõi thường xuyên diễn biến giá cả thị trường trong nước và Quốc tế, bám sát chủ trương giá của Nhà nước, đưa ra dự báo cho những đợt điều chỉnh giá của Nhà nước, qua đó chủ động được nguồn hàng, lên kế hoạch mua – bán kho hiệu quả nhất.
- » Công tác theo dõi công nợ luân chuyển phải thực hiện thường xuyên, đảm bảo không được vượt trần hạn mức nợ, đồng thời đôn đốc thu hồi tránh phát sinh nợ khó đòi.
- » Nâng cao tinh thần tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- » Thực hiện giám sát tỷ lệ hao hụt xăng dầu theo Quyết định số 667/QĐ-XNK-TCHC của Công ty.
- » Trong giao dịch mua bán, cần phải đánh giá chính xác khách hàng, lựa chọn khách hàng thực sự uy tín, đảm bảo an toàn.
- » Phát triển hệ thống phân phối xăng dầu khắp tỉnh Kiên Giang và các vùng phụ cận.

Công tác tổ chức



- » Tăng cường công tác đoàn kết nội bộ và bảo vệ bí mật trong hoạt động SXKD.
- » Sắp xếp bộ máy tổ chức, tinh gọn để tăng năng suất và thu nhập cho người lao động.
- » Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ đáp ứng đủ nguồn lực cho Công ty.
- » Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của cán bộ lãnh đạo chủ chốt.



Công tác quản lý tài chính kế toán

- » Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán.
- » Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, đảm bảo có đủ nguồn vốn ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị trực thuộc. Thường xuyên kiểm soát chi phí và các chỉ tiêu tài chính theo đúng quy định.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản



- » Định kỳ 6 tháng, công ty tổ chức thực hiện đánh giá, bảo trì, bảo dưỡng tổng thể thực trạng máy móc thiết bị, sẵn sàng hoạt động tốt trước khi vào vụ Hè Thu để công tác thu mua, chế biến lúa gạo đạt hiệu quả.
- » Đầu tư kịp thời máy tách màu tại một số đơn vị để nâng cao chất lượng khâu chế biến gạo đáp ứng nhu cầu gạo thơm, gạo chất lượng cao của thị trường.
- » Thực hiện đầu tư phải có hiệu quả, cần hợp lý hóa sản xuất, tăng nhập, tăng chế biến, tăng xuất, khai thác tối ưu công suất máy móc thiết bị để giảm giá thành.
- » Thực hiện đầu tư phải đảm bảo đúng trình tự và quy định của pháp luật về đầu tư

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	62
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	64
Các biện pháp thực hiện	65



*“Ấm no cùng
gạo Việt”*



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá tình hình chung năm 2020

Năm 2020, nền kinh tế Thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề từ đợt dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (Covid-19) bùng phát và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn thế cầu. Song kinh tế Việt Nam nằm trong một số ít các nước có tốc độ tăng trưởng và hồi phục kinh tế khá nhanh. Cụ thể, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 ước tính tăng 2,91% so với năm trước, tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020, những đây được xem là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới. Với sự nỗ lực của tập thể công nhân viên, Công ty đã đạt được những dấu ấn đáng ghi nhận như sau:

- » Sản lượng mua vào, bán ra, doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận 03 ngành hàng đạt khá so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, một số chỉ tiêu vượt so cùng kỳ.
- » Duy trì được khách hàng, thị trường truyền thống, đặc biệt mặt hàng gạo thơm chiếm tỷ trọng cao đúng định hướng chiến lược Công ty.
- » Công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm được thực hiện thường xuyên, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.
- » Quyết tâm duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, an toàn sản xuất công nghiệp và vệ sinh thực phẩm.



- » Công ty tiếp tục duy trì được mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại, đặc biệt là sự hỗ trợ của cổ đông lớn Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần đã đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Tập trung quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất, giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí bán hàng, mục tiêu chi phí cạnh tranh, hiệu quả, lựa chọn nhà cung cấp đủ năng lực với chi phí tối ưu...
- » Phát triển các sản phẩm mới như gạo thơm ST24, ST25, gạo Japonica, cá cơm lá chanh...



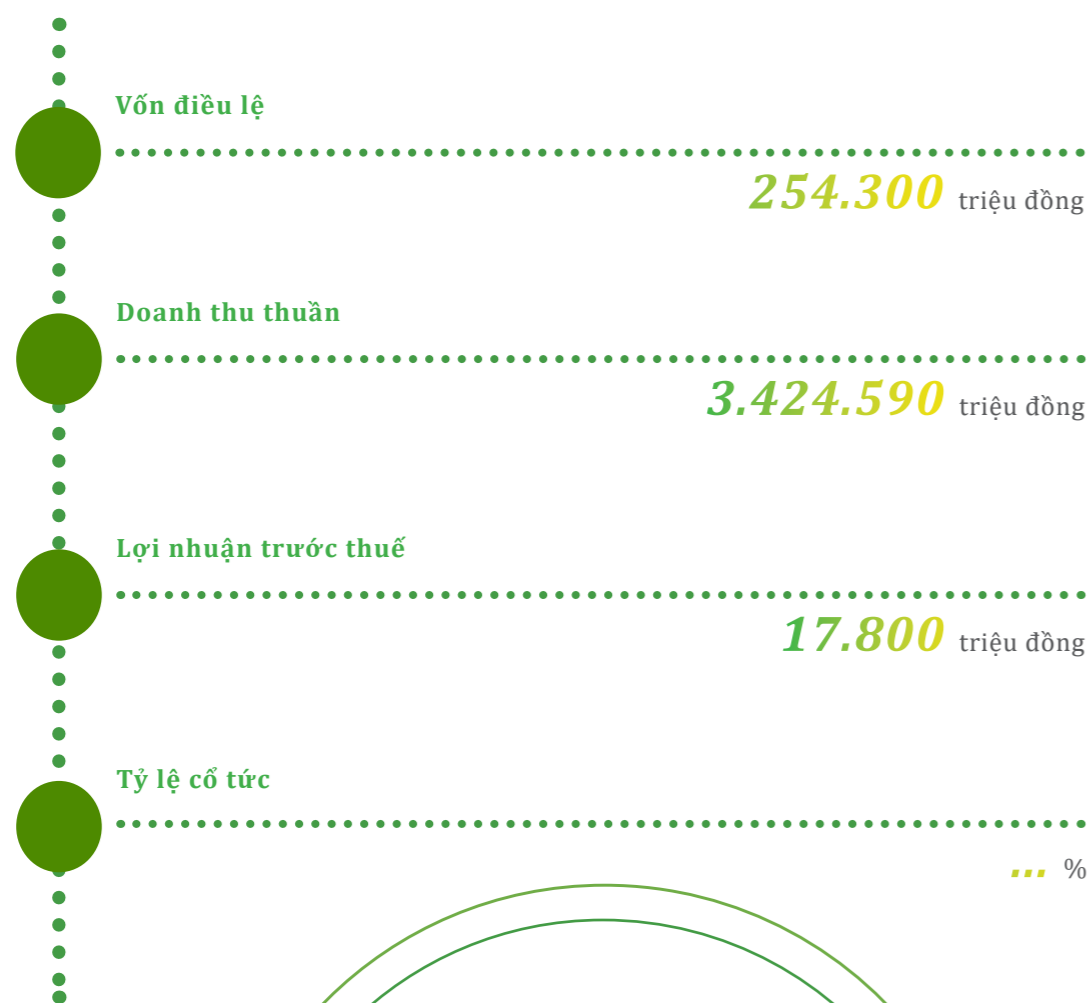
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- » Trong năm 2020, HĐQT công ty đã giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Trong quá trình lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty Ban điều hành đã tuân thủ theo đúng Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị, quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- » Việc giám sát của HĐQT được thực hiện thông qua các báo cáo định kỳ của Tổng giám đốc. Đồng thời, qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng giám đốc đánh giá tóm lược tình hình kinh doanh và đưa ra kế hoạch, định hướng trong thời gian tới.
- » Ban điều hành đã tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.
- » Trong điều kiện kinh doanh có rất nhiều khó khăn trong năm 2020 đặc biệt là tình hình diễn biến của dịch Covid-19 và có sự thay đổi trong chính sách về xuất khẩu lương thực trong nước và các nước nhập khẩu. Nhưng Ban điều hành đã cố gắng, vượt qua khó khăn, dự báo tình hình tốt nên kết quả kinh doanh năm 2020 đạt vượt kế hoạch được giao.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch kinh doanh năm 2021



CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

- » Công ty triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- » **Về khách hàng:** Kế hoạch xuất khẩu năm 2021 của Công ty là 230.000 tấn quy gạo các loại, trong đó Công ty tập trung phát triển các mặt hàng gạo thơm, gạo đặc sản và các thị trường thương mại chính của Công ty vẫn là Châu Phi (Ghana, Ivory Cost, Mozambique...), Châu Á (Philippines, Malaysia, Timor...) và các khách hàng truyền thống khác: Sika, Louis, Timor, Philipines và một số khách hàng nhỏ lẻ khác.
- » **Về quản lý:** Tăng cường công tác quản lý từ tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản trị tài chính; quản trị các chi phí theo đúng quy định. Nâng cao ý thức trách nhiệm của ban điều hành và người lao động. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng tính chuyên nghiệp trong nghiệp vụ, sản xuất.
- » Thường xuyên áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, đẩy mạnh các chương trình hợp tác với các chuyên gia đầu ngành về công nghệ khai thác và sản xuất hiệu quả.
- » Phát huy và tăng cường áp dụng các giải pháp kỹ thuật và giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm chi phí – tăng thu nhập cho người lao động
- » Chú trọng giữ vững thị trường hiện có, tập trung khai thác lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu chất lượng sản phẩm, nhận diện cơ hội để phát triển. Tăng cường công tác tiếp thị, chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường, củng cố và không ngừng phát triển hệ thống kênh phân phối và khách hàng trong, ngoài nước, trong đó tập trung công tác xuất khẩu và quan hệ thương mại với các đối tác nước ngoài. Tập trung phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và khẳng định thương hiệu công ty; Chú trọng công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa. Chú trọng việc tăng trưởng của công ty, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động.
- » Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành công ty triển khai các giải pháp quản trị, kiểm soát và đánh giá các hoạt động từng tháng và quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả, đảm bảo đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.
- » Bên cạnh đó, Công ty tích cực hoàn thiện quy chế bổ nhiệm cán bộ quản lý công ty và cán bộ nội bộ.
- » Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	68
Ban kiểm soát	74
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	80

*“Ấm na cùng
gạo Việt”*



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Bạch Ngọc Văn	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Phan Hùng Minh	Thành viên Hội đồng quản trị



Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Bà **DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT**: Xem lại phần trình bày lý lịch Ban điều hành



Ông: **ĐOÀN HUỲNH DŨNG**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 02/01/1963

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế ngoại thương

Quá trình hình thành

- 09/1985 - 07/2000: Nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 08/2000 - 01/2003: Phó quản đốc Nhà máy Chế biến gạo Xuất khẩu 1 A, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 02/2003 - 05/2005: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp, thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 06/2005 - 01/2006: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp, thuộc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 02/2006 - 05/2010: Phó Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp.
- 06/2010 - 11/2013: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Hiệp, thuộc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 12/2013 - 06/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,39% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 6.357.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần).

**Ông: PHAN HÙNG MINH****Chức vụ:** Thành viên Hội đồng quản trị**Năm sinh:** 04/04/1973Quá trình hình thành

- 1989 – đến nay: Giám đốc Công ty TNHH ĐT SX TM DV Phan Minh.
- 07/2016 – đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu: 2.543.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Ông: ĐỖ NGỌC KHANH****Chức vụ:** Thành viên Hội đồng quản trị**Năm sinh:** 06/08/1983**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân LuậtQuá trình hình thành

- 2007 - đến nay: Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Ban Pháp chế Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T.
- 08/2015 – 05/2017: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh.
- 05/2017 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh.
- 09/2018 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần In và Bao bì màu Mỹ Châu.
- 2015 - đến nay: Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
- 2015 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển bóng đá Sài Gòn.
- 2015 - đến nay: Chủ tịch kiêm Giám đốc Câu lạc bộ Bóng bàn T&T.
- 09/2018 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần.
- 04/2018 - đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Đại diện sở hữu: 6.357.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần).

**Ông: BẠCH NGỌC VĂN****Chức vụ:** Thành viên Hội đồng quản trị**Năm sinh:** 28/10/1975**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanhQuá trình hình thành

- 1997 - 1998: Thực tập viên xuất nhập khẩu, phòng xuất nhập khẩu Công ty Rau quả TP. HCM.
- 1998 - 1999: Nhân viên xuất nhập khẩu, phòng nhập khẩu Trung tâm dựnng cụ y khoa quận 1, TP. HCM.
- 01/2000 - 03/2000: Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty TDS, quận 10, TP. HCM.
- 04/2000 - 05/2000: Nhân viên Chi nhánh TP.HCM thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2000 - 04/2002: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2002 - 05/2004: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 06/2004 - 12/2005: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2005 - 12/2007: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2008 - 06/2010: Phó giám đốc kiêm trưởng phòng xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2010 - 03/2011: Phó giám đốc kiêm trưởng phòng kế hoạch kinh doanh - xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 04/2011 - 02/2016: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 03/2016 - 06/2016: Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2016 – 10/05/2018: Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 11/05/2018 – 09/2018: Phó TGD Tổng công ty lương thực Miền Nam, Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 09/2018 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm phó TGD Tổng công ty lương thực Miền Nam - CTCP, Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu: 251.600 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 2.543.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần).

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham gia dự họp
1	Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch HĐQT	10	100%	
2	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT	10	100%	
3	Bạch Ngọc Văn	Thành viên HĐQT	10	100%	
4	Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT	10	100%	
5	Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	9	92,3%	Bận công việc đột xuất

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các nghị quyết:

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	4B/NQ-XNK-HĐQT	01/04/2020	V/v chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
2	5B/NQ-XNK-HĐQT	15/04/2020	V/v tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
3	08/NQ-XNK-HĐQT	01/06/2020	V/v phê duyệt huy động vốn phục vụ hoạt động SXKD năm 2020 của Công ty CP XNK Kiên Giang.
4	09/NQ-XNK-HĐQT	01/06/2020	V/v phê duyệt đầu tư máy tách màu, cân đóng gói và thiết bị phụ trợ tại xí nghiệp CBLT XK Thạnh Hưng trực thuộc Công ty CP XNK Kiên Giang.
5	11/NQ-XNK-HĐQT	01/06/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang.
6	15/NQ-XNK-HĐQT	01/06/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc.
7	10B/NQ-XNK-HĐQT	26/06/2020	V/v thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP XNK Kiên Giang.
8	24/NQ-XNK-HĐQT	07/07/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh.
9	28/NQ-XNK-HĐQT	09/07/2020	V/v chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
10	31/NQ-XNK-HĐQT	15/07/2020	V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020.

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
11	33/NQ-XNK-HĐQT	15/07/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam - CN Sài Gòn
12	35/NQ-XNK-HĐQT	15/07/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Kiên Giang
13	55/NQ-XNK-HĐQT	14/08/2020	Thông qua các nội dung: - Báo cáo của Ban điều hành về hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD 2020; - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020; - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020; - Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán; - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; - Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 của Người quản lý công ty; - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; - Việc ủy quyền HĐQT quyết định các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; - Danh sách 04 đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 gồm: + Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam; + Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; + Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam.
14	57/NQ-XNK-HĐQT	21/08/2020	V/v phê duyệt đầu tư máy lau bóng thiết bị phụ trợ và băng tải trên không tại Xí nghiệp Sơn Thuận, An Hòa trực thuộc Công ty CP XNK Kiên Giang.
15	62/NQ-XNK-HĐQT	14/10/2020	V/v ký hợp đồng cung ứng gạo với Tổng Công ty lương thực Miền Bắc.
16	63/NQ-XNK-HĐQT	14/10/2020	V/v chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2020.
17	79/NQ-XNK-HĐQT	25/12/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Kiên Giang.
18	81/NQ-XNK-HĐQT	25/12/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Cần Thơ.
19	83/NQ-XNK-HĐQT	25/12/2020	V/v phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh.



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thanh Sơn	Kiểm soát viên
3	Nguyễn Thị Phượng	Kiểm soát viên

Lý lịch các thành viên Ban kiểm soát



Bà: **TRẦN THỊ MAI TRINH**

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát.

Năm sinh: 06/08/1983.

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế ngành Tài chính kế toán.

Quá trình hình thành

- 1995 - 04/2001: Nhân viên kế toán trạm Sức khỏe tâm thần Kiên Giang
- 05/2001 - 03/2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 04/2011 - 08/2011: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 09/2011 - 06/2016: Kiểm soát viên của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2016 - đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu: 11.500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



Ông: **NGUYỄN THANH SƠN**

Chức vụ: Kiểm soát viên.

Năm sinh: 15/06/1974.

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán.

Quá trình hình thành

- 02/1998 - 04/2001: Nhân viên Công ty Cơ khí điện máy Kiên Giang
- 05/2001 - 06/2009: Nhân viên Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- 07/2009 - 06/2010: Quyền Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2010 - 12/2010: Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- 01/2011 - 01/2012: Phó Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- 02/2012 - 04/2014: Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- 05/2014 - 03/2015: Quyền Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 04/2015 - 12/2015: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2016 - 02/2017: Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 03/2017 - 01/2019: Phó Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận, thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 02/2019 - đến nay: Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu: 51.500 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

Bà: **NGUYỄN THỊ PHƯỢNG**

Chức vụ: Kiểm soát viên.

Năm sinh: 03/03/1983.

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính.

Quá trình hình thành

- 03/2007 – 06/2008: Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Trung tâm Trợ Thính Stella.
- 08/2008 – 08/2009: Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Rạng Đông.
- 09/2009 - đến nay: Kế toán trưởng, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thảo Minh Châu.
- 07/2016 - đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	04	100%
2	Nguyễn Thanh Sơn	Kiểm soát viên	04	100%
3	Nguyễn Thị Phượng	Kiểm soát viên	04	100%

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

01

ĐHĐCĐ thường niên và các phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ban kiểm soát để tham gia ý kiến thảo luận, báo cáo việc kiểm soát các hoạt động của Công ty đề xuất với HĐQT.



02

Ban kiểm soát đã tiến hành các kiểm tra giám sát định kỳ đối với ban điều hành Công ty.



03

Tham gia soát xét báo cáo Công ty kiểm toán độc lập KPMG trong việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng/năm theo đúng quy định pháp luật.



04

Báo cáo tài chính năm 2020 được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành Được công bố thông tin đúng theo quy định.



05

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong các phiên họp HĐQT đều có tham gia ý kiến đóng góp, báo cáo về công tác kiểm soát.



06

Giữa HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm soát luôn có sự phối hợp chặt chẽ, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai đúng quy định.



Đánh giá công tác quản lý của HĐQT

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2020 đều thực hiện đúng với chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cụ thể:

- » HĐQT đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và các nội dung trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- » Họp định kỳ hàng quý hoặc đột xuất xem xét, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh từng tháng, quý và đề ra các giải pháp, phương hướng cho quý tiếp theo.
- » Các thành viên HĐQT tuân thủ đầy đủ điều lệ, quy chế quản lý, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- » Giữa HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm soát luôn có sự phối hợp chặt chẽ, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai đúng quy định.

Đánh giá công tác quản lý của HĐQT

- » Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý, điều hành công ty. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- » Ban Tổng Giám đốc đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban hàng tháng, thành phần tham dự bao gồm các trưởng, phó bộ phận, nội dung cuộc họp tập trung vào báo cáo kết quả thực hiện trong tháng, giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho từng bộ phận, qua đó đưa ra những biện pháp xử lý kịp thời (nếu có), bên cạnh đó đề ra kế hoạch, phương hướng của tháng tiếp theo.
- » Các quyết định của Ban Tổng Giám đốc được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền, luôn đảm bảo quyền lợi của công ty và của cổ đông. Trong năm không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người có liên quan, Ban kiểm soát cũng chưa thấy điều gì bất thường trong công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- » Ban Tổng Giám đốc đã tích cực, chủ động trong chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển đạt kết quả tốt, đảm bảo việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người lao động.
- » Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các phòng Ban chức năng thực hiện tốt trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát tiếp cận hồ sơ, phục vụ công việc kiểm tra, giám sát khi Ban kiểm soát yêu cầu.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Đơn vị tính: Đồng

STT	Thành viên	Lương (hoặc thù lao)	Thưởng
I	Hội đồng quản trị		
1	Đoàn Huỳnh Dũng	406.300.000	36.000.000
2	Dương Thị Thanh Nguyệt	60.000.000	
3	Bạch Ngọc Văn	60.000.000	30.000.000
4	Đỗ Ngọc Khanh	60.000.000	
5	Phan Hùng Minh	60.000.000	15.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Trần Thị Mai Trinh	296.000.000	26.000.000
2	Nguyễn Thanh Sơn	36.000.000	
3	Nguyễn Thị Phương	36.000.000	
III	Ban điều hành		
1	Dương Thị Thanh Nguyệt	405.400.000	36.000.000
2	Phan Minh Trung	296.600.000	26.000.000
3	Trần Thị Điệp	241.700.000	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Giá trị thực hiện hợp đồng
I	Hợp đồng mua gạo	
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam-CTCP (Vinafood2)	11900
2	Công ty Lương thực Long An	11.900
3	Công ty Lương thực Sông Hậu	27.171
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương Thực Bình Định - XN CBLT XK Hòa Bình	10.950
5	Công ty Cổ phần Xây lắp cơ khí và lương thực thực phẩm	6.680
6	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh	516.145
II	Hợp đồng bán gạo	
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam-CTCP (Vinafood2)	149.738
2	Công ty Lương thực Bạc Liêu	6.113
3	Công ty Lương thực An Giang	2.200
4	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Chi nhánh Thốt Nốt	11.500
III	Hợp đồng mua bao bì	
1	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh	12.2840

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của kiểm toán viên	84
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	89

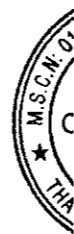


*“Ấm no cùng
gạo Việt”*



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

1700100989

ngày 10 tháng 5 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1700100989 ngày 10 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Huỳnh Dũng
Ông Bạch Ngọc Văn
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt
Ông Phan Hùng Minh
Ông Đỗ Ngọc Khanh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Mai Trinh
Ông Nguyễn Thanh Sơn
Bà Nguyễn Thị Phượng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt
Ông Phạm Minh Trung

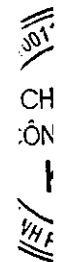
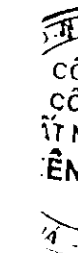
Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

85 - 87 đường Lạc Hồng
Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá
Tỉnh Kiên Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Dương Thị Thanh Nguyệt
Tổng Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 19 tháng 1 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 1 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

TZ

NG
PH
HẬP
GI

TINH

2042

NH
G T
PA

HỒ H

007
TY
IN
KH
ING
KIE

007

ANH
TINH

IG

ICH



Ý kiến của kiểm toán viên

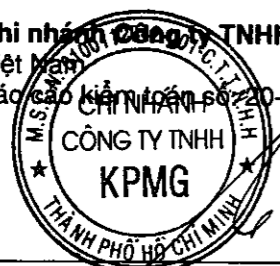
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 2 năm 2020.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

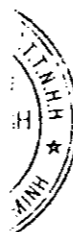
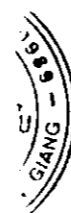
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số 20-01-00329/2-21-1



Auvarin Phoi
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2252-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghi
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 2 năm 2021



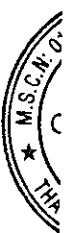
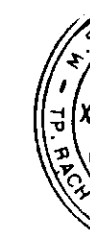
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		678.648.123.885	775.160.084.478
Tiền	110	5	112.004.272.579	129.383.424.074
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.180.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.180.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.456.134.097	391.999.693.928
Phải thu của khách hàng	131	6	49.735.936.097	388.303.776.486
Trả trước cho người bán	132	7	14.197.818.659	3.786.944.318
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	131.350.025	545.223.808
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(608.970.684)	(636.250.684)
Hàng tồn kho	140	10	481.181.273.007	233.259.760.394
Hàng tồn kho	141		527.731.857.934	246.771.216.552
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.550.584.927)	(13.511.456.158)
Tài sản ngắn hạn khác	150		22.006.444.202	19.337.206.082
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	1.192.734.004	2.781.793.458
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.813.590.198	16.555.412.624
Thuế phải thu Nhà nước	153		120.000	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		231.853.410.524	253.704.946.691
Các khoản phải thu dài hạn	210		48.000.000	48.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	48.000.000	48.000.000
Tài sản cố định	220		175.523.945.213	209.979.163.565
Tài sản cố định hữu hình	221	11	175.523.945.213	196.129.928.565
Nguyên giá	222		456.837.425.295	451.199.128.931
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(281.313.480.082)	(255.069.200.366)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	13.849.235.000
Nguyên giá	228		-	13.849.235.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.356.388.307	1.360.024.671
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.356.388.307	1.360.024.671
Tài sản dài hạn khác	260		54.925.077.004	42.317.758.455
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	54.925.077.004	42.317.758.455
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		910.501.534.409	1.028.865.031.169

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này




Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

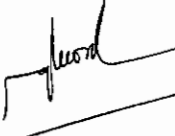
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		629.709.180.435	771.870.153.960
Nợ ngắn hạn	310		627.802.913.435	769.146.387.460
Phải trả người bán	311	15	288.973.626.527	21.520.394.043
Người mua trả tiền trước	312	16	54.986.474.796	47.711.782.057
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	1.444.810.756	4.108.684.589
Phải trả người lao động	314		11.126.572.565	1.629.038.456
Chi phí phải trả	315	18	2.465.021.936	14.644.474.419
Phải trả khác	319	19	8.500.817.743	666.564.033
Vay ngắn hạn	320	20(a)	255.946.728.380	675.558.345.682
Dự phòng phải trả	321		3.271.179.884	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	1.087.680.848	3.307.104.181
Nợ dài hạn	330		1.906.267.000	2.723.766.500
Vay dài hạn	338	20(b)	1.906.267.000	2.723.766.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		280.792.353.974	256.994.877.209
Vốn chủ sở hữu	410	22	280.792.353.974	256.994.877.209
Vốn cổ phần	411	23	254.300.000.000	254.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.300.000.000	254.300.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.402.067.630	1.402.067.630
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.090.286.344	1.292.809.579
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.292.809.579	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		23.797.476.765	1.292.809.579
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		910.501.534.409	1.028.865.031.169


Ngày 19 tháng 1 năm 2021

Người lập:


Nguyễn Thị Chúc Hà
Kế toán

Người duyệt:


Trần Thị Điệp
Kế toán trưởng


Dương Thị Thanh Nguyệt
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.565.573.701.998	3.689.959.217.829
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	11.377.323.380	167.755.602
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	3.554.196.378.618	3.689.791.462.227
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	3.272.437.876.531	3.403.228.586.323
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		281.758.502.087	286.562.875.904
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	22.557.823.724	8.638.497.443
Chi phí tài chính	22	28	36.431.472.614	40.174.299.995
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.072.983.668	31.160.656.688
Chi phí bán hàng	25	29	200.387.691.770	226.113.809.782
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	37.293.588.876	22.739.716.979
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		30.203.572.551	6.173.546.591
Thu nhập khác	31	31	6.454.175.543	3.350.675.211
Chi phí khác	32	32	10.504.527.488	3.147.412.860
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(4.050.351.945)	203.262.351
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		26.153.220.606	6.376.808.942
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	2.355.743.841	5.083.999.363
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		23.797.476.765	1.292.809.579
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	936	51

Ngày 19 tháng 1 năm 2021

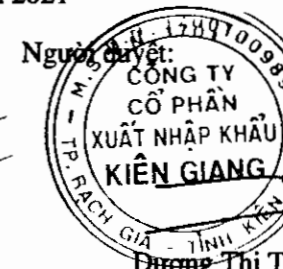
Người lập:


Nguyễn Thị Chúc Hà
Kế toán

Người duyệt:


Trần Thị Điệp
Kế toán trưởng


Dương Thị Thanh Nguyệt
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	26.153.220.606	6.376.808.942
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	26.203.094.383	26.345.998.404
Các khoản dự phòng	03	36.283.028.653	(9.070.460.627)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	277.764.468	1.198.029.519
Lãi tiền gửi	05	(213.745.847)	(206.002.578)
Chi phí lãi vay	06	21.072.983.668	31.160.656.688
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	109.776.345.931	55.805.030.348
Biến động các khoản phải thu	09	324.272.150.032	(234.859.749.757)
Biến động hàng tồn kho	10	(280.960.641.382)	280.992.960.347
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	279.495.545.044	(98.516.921.580)
Biến động chi phí trả trước	12	2.830.975.905	2.301.585.760
		435.414.375.530	5.722.905.118
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.872.399.450)	(31.160.656.688)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.835.480.127)	(3.489.214.613)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.178.238.000)	(2.436.833.884)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	407.528.257.953	(31.363.800.067)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(5.634.660.000)	(5.984.422.182)
Tiền chi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23	(12.500.000.000)	(1.180.000.000)
Tiền thu hồi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24	13.680.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	227.825.025	191.923.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.226.834.975)	(6.972.498.782)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.791.475.687.199	2.758.331.176.890
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.212.093.663.001)	(2.669.978.069.380)
Tiền trả cổ tức	36	-	(11.697.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(420.617.975.802)	76.655.307.510
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(17.316.552.824)	38.319.008.661
Tiền đầu năm	60	129.383.424.074	91.060.781.954
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	(62.598.671)	3.633.459
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	112.004.272.579	129.383.424.074

Ngày 19 tháng 1 năm 2021

Người lập:


 Nguyễn Thị Chúc Hà
 Kế toán

Người duyệt:


 Trần Thị Điệp
 Kế toán trưởng


 Dương Thị Thanh Nguyệt
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 1 năm 2015 của Hội đồng Thành viên về việc tiến hành cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần thứ 20 ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 85 – 87 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

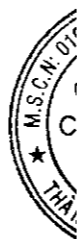
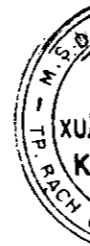
(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh lúa gạo, kinh doanh nông sản, kinh doanh thủy sản và xay xát;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Kinh doanh, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở Công ty); và
- Trồng lúa và trồng cây lâu năm khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, kinh doanh gạo
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, kinh doanh gạo
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, kinh doanh gạo
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, kinh doanh gạo
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất, kinh doanh gạo
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp Chế biến cá cơm Hòn Chông	Tỉnh Kiên Giang	Chế biến cá cơm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang: Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu An Bình Văn phòng đại diện	Tỉnh Kiên Giang Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng dầu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 283 nhân viên (1/1/2020: 280 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 30 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
▪ tài sản khác	5 – 10 năm

==
 171
 16
 PH
 HẢI
 GI
 11

142-

NHÁ
 TY
 PM

Ổ HỒ

107
 TY
 AN
 KH
 ANI
 111

107
 NH
 TNH
 G
 CHỈ

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất lâu dài được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 40 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ trong thời gian từ 2 – 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh trong năm được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

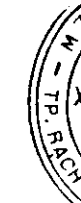
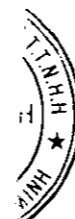
(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

11
CỔ
CỔ
T
NI
ÊN

11

1100

Ct
CỔT

11NH

11

IG

PH

ÁP

GI

11

1204

11NH

IGT

<PI

HỒ H

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

	Kinh doanh lương thực		Kinh doanh xăng dầu		Kinh doanh cá cơm		Tổng	
	2020 VND	2019 VND	2020 VND	2019 VND	2020 VND	2019 VND	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	3.260.447.830.738	3.283.278.807.432	259.634.654.387	377.614.932.598	34.113.893.493	28.897.722.197	3.554.196.378.618	3.689.791.462.227
Lợi nhuận gộp của bộ phận	269.134.730.777	11.733.650.305	14.372.533.858	14.372.533.858	4.515.852.683	3.055.611.269	281.758.502.087	286.562.875.904
Chi phí thuần của bộ phận	237.254.940.163	264.710.289.369	11.181.735.372	12.999.099.632	3.118.254.001	2.679.940.312	251.554.929.536	280.389.329.313
Lợi nhuận thuần từ các hoạt động kinh doanh	28.254.058.936	4.424.441.408	551.914.933	1.373.434.226	1.397.598.682	375.670.957	30.203.572.551	6.173.546.591
Thu nhập khác phân bổ	6.330.555.618	3.086.013.432	123.607.380	192.157.435	12.545	72.504.344	6.454.175.543	3.350.675.211
Chi phí khác phân bổ	10.495.934.847	3.136.497.783	8.592.641	10.915.077	-	-	10.504.527.488	3.147.412.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp không phân bổ							2.355.743.841	5.083.999.363
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN							23.797.476.765	1.292.809.579

CHỖ CHỮ
 KIÊN GIANG
 CÔNG TY TNHH

KIÊN GIANG
 CÔNG TY TNHH

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kinh doanh lương thực		Kinh doanh xăng dầu		Kinh doanh cá cơm		Tổng	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản của bộ phận	817.409.031.463	759.689.815.293	32.793.079.097	41.535.253.751	12.208.046.308	21.712.500.326	862.410.156.868	822.937.569.370
Tài sản không phân bổ							48.091.377.541	205.927.461.799
Tổng tài sản							910.501.534.409	1.028.865.031.169
Nợ phải trả của bộ phận	623.001.518.230	702.686.300.251	1.340.026.698	52.990.881.901	4.357.412	-	624.345.902.340	755.677.182.152
Nợ phải trả không phân bổ							5.363.278.095	16.192.971.808
Tổng nợ phải trả							629.709.180.435	771.870.153.960
Chi tiêu vốn	5.479.724.091	4.831.185.455	-	1.153.236.727	154.935.909	-	5.634.660.000	5.984.422.182
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	22.980.562.218	23.102.948.938	2.158.599.666	2.113.684.627	1.063.932.499	1.129.364.839	26.203.094.383	26.345.998.404

CHỖ CHỮ
 KIÊN GIANG
 CÔNG TY TNHH

KIÊN GIANG
 CÔNG TY TNHH

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	810.879.000	1.263.423.600
Tiền gửi ngân hàng	111.193.393.579	128.120.000.474
	<u>112.004.272.579</u>	<u>129.383.424.074</u>

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Crop Worthy Ventures Inc	22.044.495.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất – Thương mại Dịch vụ Phan Minh	10.129.171.106	3.915.187
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công Nghệ Cao Đại Tài	5.787.423.180	-
Wilmar Riceland Trading Pte.Ltd	3.060.292.811	-
Akila Trading (Pty) Ltd	-	3.007.188.750
Louis Dreyfus Asia Pte Ltd	-	121.058.350.309
AT Korea Agro – Fisheries and Food Trade Corporation	-	252.061.925.500
Các khách hàng khác	8.714.554.000	12.172.396.740
	<u>49.735.936.097</u>	<u>388.303.776.486</u>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất – Thương mại Dịch vụ Phan Minh, cổ đông và đồng thời có chung thành viên điều hành	10.129.171.106	3.915.187

Khoản phải thu từ bên liên quan không được đảm bảo và có thời hạn phải thu trong vòng 3 tuần kể từ ngày giao hàng.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Chế Biến Lương thực Thắng Lợi	6.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Chế biến Lương thực Hương Hạnh	4.640.000.000	-
DNTN Hồng Phượng – (Phạm Thị Thơi)	1.740.000.000	2.460.000.000
Công ty Cổ phần Hưng Phú	1.110.000.000	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Đại Tài	-	955.121.459
Các nhà cung cấp khác	217.818.659	371.822.859
	<u>14.197.818.659</u>	<u>3.786.944.318</u>

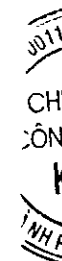
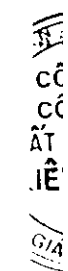
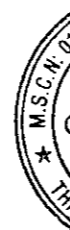
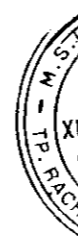
8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu về tạm ứng	5.000.000	397.480.000
Phải thu lãi tiền gửi	-	14.079.178
Phải thu khác	126.350.025	133.664.630
	<u>131.350.025</u>	<u>545.223.808</u>

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ký quỹ	48.000.000	48.000.000



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Phải thu của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Mỹ Nghi	Trên 5 năm	129.757.000	129.757.000	129.757.000
Công ty TNHH Tâm Hùng	Trên 5 năm	70.000.000	70.000.000	70.000.000
DNTN Nguyễn Minh Tuấn	Trên 5 năm	213.600.000	149.520.000	353.600.000
<i>Trả trước cho người bán</i>				
Công ty Cổ phần TMMXD Thiên Nam Dương	Trên 5 năm	17.604.000	17.604.000	17.604.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế & XD Duy Tân	Trên 5 năm	65.739.659	65.739.659	65.739.659
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	Trên 5 năm	50.000.000	50.000.000	50.000.000
<i>Phải thu khác</i>				
Công ty TNHH Hoàng Mỹ	Trên 5 năm	51.385.725	51.385.725	51.385.725
DNTN Mê Linh	Trên 5 năm	40.808.300	40.808.300	40.808.300
DNTN Út Hoàng	Trên 5 năm	34.156.000	34.156.000	34.156.000
		673.050.684	608.970.684	64.080.000
			813.050.684	176.800.000

HỒ H
PN
TY
NH
042-

H
G
H
PT
NG
134

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	636.250.684	6.540.889.860
Dự phòng trích lập trong năm	56.720.000	64.720.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(84.000.000)	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(5.969.359.176)
Số dư cuối năm	608.970.684	636.250.684

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.230.454.545	-	4.593.090.909	-
Nguyên vật liệu	90.622.898.272	(613.291.644)	137.818.971.538	(8.166.205.116)
Công cụ và dụng cụ	3.501.651.726	-	3.623.088.127	-
Thành phẩm	37.601.327.547	(385.968.283)	81.107.702.091	(5.345.251.042)
Hàng hóa	391.775.525.844	(45.551.325.000)	19.628.363.887	-
	527.731.857.934	(46.550.584.927)	246.771.216.552	(13.511.456.158)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	13.511.456.158	18.633.106.785
Dự phòng trích lập trong năm	46.550.584.927	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(13.511.456.158)	(5.121.650.627)
Số dư cuối năm	46.550.584.927	13.511.456.158

Tổng giá gốc hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 527.732 triệu VND (1/1/2020: 246.771 triệu VND), phần hàng tồn kho Công ty trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có giá gốc là 342.986 triệu VND (1/1/2020: 153.135 triệu VND), trong đó 10.185 triệu VND nguyên liệu, 4.301 triệu VND thành phẩm và 328.500 triệu VND hàng hóa (1/1/2020: 79.890 triệu VND nguyên liệu, 63.249 triệu VND thành phẩm và 9.996 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

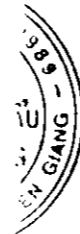
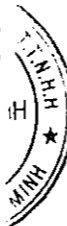
11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	224.296.080.978	151.056.691.762	73.446.219.455	884.344.630	1.515.792.106	451.199.128.931
Mua trong năm	-	4.631.841.818	1.006.454.546	-	-	5.638.296.364
Số dư cuối năm	224.296.080.978	155.688.533.580	74.452.674.001	884.344.630	1.515.792.106	456.837.425.295
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	121.002.401.771	82.250.352.802	50.056.015.091	525.142.145	1.235.288.557	255.069.200.366
Khấu hao trong năm	11.040.010.059	9.918.627.384	5.037.091.268	127.691.493	120.859.512	26.244.279.716
Số dư cuối năm	132.042.411.830	92.168.980.186	55.093.106.359	652.833.638	1.356.148.069	281.313.480.082
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	103.293.679.207	68.806.338.960	23.390.204.364	359.202.485	280.503.549	196.129.928.565
Số dư cuối năm	92.253.669.148	63.519.553.394	19.359.567.642	231.510.992	159.644.037	175.523.945.213

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 22.013 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 13.243 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.571 triệu VND (1/1/2020: 2.147 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 121.650 triệu VND (1/1/2020: 135.223 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20(a) và 20(b)).



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại văn phòng.

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	13.849.235.000	13.849.235.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(13.849.235.000)	-
Số dư cuối năm	-	13.849.235.000

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	1.360.024.671	1.356.388.307
(Giảm)/tăng khác trong năm	(3.636.364)	3.636.364
Số dư cuối năm	1.356.388.307	1.360.024.671

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn đang thực hiện như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp cá Cơm (*)	1.356.388.307	1.356.388.307
Mua sắm tài sản	-	3.636.364
	1.356.388.307	1.360.024.671

(*) Bao gồm chi phí mua đất và các chi phí khác của công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp cá Cơm. Dự án này hiện đang tạm ngừng xây dựng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty vẫn chưa có kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình này.



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí bảo hiểm	139.484.609	156.954.654
Công cụ dụng cụ và bao bì	401.809.894	711.275.593
Chi phí bốc xếp, gia công hàng chờ xuất	308.424.417	348.105.335
Chi phí sửa chữa tài sản	88.567.418	517.905.236
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	254.447.666	1.047.552.640
	<u>1.192.734.004</u>	<u>2.781.793.458</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	36.988.141.452	851.969.435	4.313.610.198	164.037.370	42.317.758.455
Tăng trong năm	67.185.000	700.523.885	2.497.676.528	304.322.662	3.569.708.075
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	13.849.235.000	-	-	-	13.849.235.000
Phân bổ trong năm	(475.477.677)	(853.896.462)	(3.220.965.963)	(261.284.424)	(4.811.624.526)
Số dư cuối năm	<u>50.429.083.775</u>	<u>698.596.858</u>	<u>3.590.320.763</u>	<u>207.075.608</u>	<u>54.925.077.004</u>

Trong chi phí đất trả trước có quyền sử dụng đất thuê có giá trị còn lại là 35.278 triệu VND (1/1/2020: 36.213 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20(a)).

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2020 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2020 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Đại Tài	157.550.388.480	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Hiếu Nhân	127.710.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Kiên Giang	560.700.000	1.240.400.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất – Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	977.284.440
Intertek Vietnam Ltd	24.275.548	2.616.711.180
Jupitek Korea International Co., Ltd	-	13.798.620.000
Các nhà cung cấp khác	3.128.262.499	2.887.378.423
	<u>288.973.626.527</u>	<u>21.520.394.043</u>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2020 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2020 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất – Thương mại Dịch vụ Phan Minh, cổ đông và đồng thời có chung thành viên điều hành (*)	-	977.284.440

(*) Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không được đảm bảo, phải trả trong vòng 6 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và chịu lãi suất 7%/năm đối với khoản quá hạn.

CHI
CÔNG
K
TINH PH

CHI
CÔNG
K
TINH PH

CHI
CÔNG
K
TINH PH

CHI
CÔNG
K
TINH PH

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Phước	33.000.000.000	-
Perissos Vitoria Unipessoal Lda	10.522.915.000	-
Fullway Resources Inc	3.189.659.200	-
Syarikat Pelangi Tinggi	2.987.320.000	-
Mindanao Agriplus Corporation	2.486.016.000	-
Mulia Tiasa Company Trading	9.637.716	12.142.540.390
Timor Food Unipessoal Lda	-	31.257.711.822
Công ty Liên doanh Sản xuất, Chế biến và Xuất Khẩu Gạo	-	2.500.000.000
Các khách hàng khác	2.790.926.880	1.811.529.845
	54.986.474.796	47.711.782.057

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	159.515.468	26.630.976.566	(26.790.492.034)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.905.309.645	2.355.743.841	(4.835.480.127)	1.425.573.359
Thuế thu nhập cá nhân	43.859.476	142.099.511	(166.721.590)	19.237.397
Thuế nhà đất	-	271.212.421	(271.212.421)	-
Thuế khác	-	13.000.000	(13.000.000)	-
	4.108.684.589	29.413.032.339	(32.076.906.172)	1.444.810.756

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	1.868.209.726	-
Lãi vay	200.584.218	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	4.357.412	324.751.148
Chi phí làm hàng xuất khẩu	-	5.862.686.039
Tiền lãi cổ phần hóa – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần, công ty mẹ	-	7.792.327.944
Chi phí phải trả khác	391.870.580	664.709.288
	2.465.021.936	14.644.474.419

19. Phải trả khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Kinh phí công đoàn	88.258.596	83.962.353
Bảo hiểm xã hội	34.280.826	34.280.826
Phải trả phí bảo vệ môi trường Phòng Cảnh sát kinh tế – Công An tỉnh Kiên Giang	448.348.500	448.348.500
Phải trả tiền lãi cổ phần hóa – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần, công ty mẹ	7.902.592.072	-
Các khoản phải trả khác	27.337.749	99.972.354
	8.500.817.743	666.564.033

007
TY
IÂN
P KH
IAN
INH V

007
IÂN
INH
IG
CH

007
TY
IÂN
P KH
IAN
INH V

007
TY
IÂN
P KH
IAN
INH V

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong năm		31/12/2020	
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi số VND
Vay ngắn hạn	671.133.967.600	671.133.967.600	2.788.074.737.199	(3.207.262.934.919)	188.859.000	252.134.628.880
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	4.424.378.082	4.424.378.082	4.082.999.500	(4.695.278.082)	-	3.812.099.500
	675.558.345.682	675.558.345.682	2.792.157.736.699	(3.211.958.213.001)	188.859.000	255.946.728.380

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang	VND	(i)	29.081.474.280	52.247.694.600
Khoản vay 1	USD	(i)	23.656.085.000	57.308.410.000
Khoản vay 2				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc	VND	(ii)	40.174.529.600	6.433.420.000
Khoản vay 1	USD	(ii)	159.222.540.000	282.848.480.000
Khoản vay 2				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	VND	(iii)	-	1.960.000.000
Khoản vay 1	USD	(iii)	-	79.853.580.000
Khoản vay 2	VND		-	139.178.358.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	VND		-	51.304.025.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	USD		-	-
			252.134.628.880	671.133.967.600

M.S.C.P.

M.S.C.P.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay trên chịu lãi suất theo lãi suất của từng kế ước nhận nợ.

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất thuê trong chi phí đất trả trước dài hạn có giá trị còn lại lần lượt là 43.392 triệu VND và 12.833 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 49.561 triệu VND và 13.159 triệu VND) (Thuyết minh 11 và 14(b)) và toàn bộ hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh thuộc sở hữu của Công ty, hình thành từ vốn vay tại từng thời điểm nhưng không vượt quá 120.000 triệu VND.
- (ii) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất thuê trong chi phí đất trả trước dài hạn có giá trị còn lại lần lượt là 23.545 triệu VND và 14.156 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 28.918 triệu VND và 14.561 triệu VND) (Thuyết minh 11 và 14(b)) và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất thuê trong chi phí đất trả trước dài hạn có giá trị còn lại lần lượt là 30.719 triệu VND và 8.289 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 35.157 triệu VND và 8.493 triệu VND) (Thuyết minh 11 và 14(b)).

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc (*)	2021-2023	5.718.366.500	7.148.144.582
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(a))		(3.812.099.500)	(4.424.378.082)
		1.906.267.000	2.723.766.500

- (*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 23.994 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 21.584 triệu VND) và chịu lãi suất theo lãi suất của từng kế ước nhận nợ.

M.S.C.P.

M.S.C.P.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.307.104.181	5.274.411.507
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	-	510.711.891
Sử dụng quỹ trong năm	(2.219.423.333)	(2.478.019.217)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.087.680.848	3.307.104.181

(Hàng chữ)
 2042
 NH
 S TY
 PN
 HỒ H

(Hàng chữ)
 NG
 PH
 HAI
 GI

(Hàng chữ)

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	254.300.000.000	756.882.794	12.903.696.727	267.960.579.521
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.292.809.579	1.292.809.579
Trích lập các quỹ	-	645.184.836	(645.184.836)	-
Chia cổ tức	-	-	(11.697.800.000)	(11.697.800.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(510.711.891)	(510.711.891)
Trích quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	254.300.000.000	1.402.067.630	1.292.809.579	256.994.877.209
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	23.797.476.765	23.797.476.765
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	254.300.000.000	1.402.067.630	25.090.286.344	280.792.353.974

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	25.430.000	254.300.000.000	25.430.000	254.300.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	254.300.000.000	25.430.000	254.300.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	254.300.000.000	25.430.000	254.300.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Thành phần cổ đông của Công ty như sau:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	VND	%
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần	211.848.000.000	83,31%
Các cổ đông khác	42.452.000.000	16,69%
	254.300.000.000	100%

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	198.000.000	216.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	-	198.000.000
	198.000.000	414.000.000

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	3.398.283	78.202.643.485	4.758.670	109.934.955.792
▪ EUR	237	6.710.102	273	7.051.834
		78.209.353.587		109.942.007.626

(c) Tài sản nhận giữ hộ

	Đơn vị	31/12/2020	1/1/2020
Xăng Ron 95	Lít	-	30.000
Dầu DO	Lít	-	57.000
		-	87.000

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và hàng hóa	3.565.178.684.698	3.688.309.017.961
▪ Cung cấp dịch vụ	104.504.400	514.926.068
▪ Doanh thu khác	290.512.900	1.135.273.800
	<u>3.565.573.701.998</u>	<u>3.689.959.217.829</u>
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	11.377.323.380	167.755.602
	<u>3.554.196.378.618</u>	<u>3.689.791.462.227</u>

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	3.237.354.470.268	3.405.999.967.371
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản	2.044.277.494	2.350.269.579
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	33.039.128.769	(5.121.650.627)
	<u>3.272.437.876.531</u>	<u>3.403.228.586.323</u>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	213.745.847	206.002.578
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.827.142.571	8.359.074.895
Lãi bán hàng trả chậm	516.935.306	73.419.970
	<u>22.557.823.724</u>	<u>8.638.497.443</u>

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền vay	21.072.983.668	31.160.656.688
Lãi trả chậm nộp tiền cổ phần hóa	110.264.128	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.632.437.802	6.029.706.801
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	277.764.468	1.198.029.519
Chi phí tài chính khác	338.022.548	1.785.906.987
	<u>36.431.472.614</u>	<u>40.174.299.995</u>

29. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và bao bì	138.277.711.417	78.712.235.717
Chi phí nhân công	1.799.160.909	1.416.669.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.013.292.572	1.016.375.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.599.172.706	143.056.778.507
Chi phí khác	2.698.354.166	1.911.750.858
	<u>200.387.691.770</u>	<u>226.113.809.782</u>

ĐH
C
C
XUẤT
KH
CH G

0112
CHI
ÔNG
K
VH P

ĐH
C
C
XUẤT
KH
CH G

0112
CHI
ÔNG
K
VH P

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân công	14.133.243.625	10.267.316.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.713.793.717	1.656.150.875
Chi phí nguyên vật liệu	1.348.843.375	720.104.763
Thuế, phí và lệ phí	55.749.162	191.767.550
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(27.280.000)	64.720.000
Trích lập/(hoàn nhập) quỹ dự phòng tiền lương	3.271.179.884	(4.013.530.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.292.311.592	2.608.019.927
Chi phí khác bằng tiền	11.505.747.521	11.245.167.609
	37.293.588.876	22.739.716.979

31. Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Thu bồi thường hợp đồng	3.586.672.000	525.523.252
Thu nhập từ giải phóng tàu nhanh (theo Hợp đồng AT2010 và AT1999)	2.519.506.835	-
Thu nhập từ bảo hiểm bồi thường hàng bị ẩm mốc	-	2.644.520.526
Thu phí do đổi cảng giao hàng	-	69.480.000
Thu nhập khác	347.996.708	111.151.433
	6.454.175.543	3.350.675.211

32. Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND
Lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	8.382.482.709	-
Chi phí giải phóng tàu chậm (theo Hợp đồng AT1999)	1.736.390.834	662.706.369
Chi phí tổn thất hàng thực tế (theo Hợp đồng AT2010 và AT1999)	372.961.304	1.939.059.670
Chi phí bồi thường do hủy hợp đồng	-	500.000.000
Chi phí khác	12.692.641	45.646.821
	10.504.527.488	3.147.412.860

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.837.415.884.183	1.761.877.445.943
Chi phí nguyên vật liệu	1.480.144.510.728	1.737.241.926.625
Chi phí nhân công	32.603.039.048	30.919.794.821
Chi phí khấu hao và phân bổ	26.203.094.383	26.345.998.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.320.774.435	159.831.114.185
Chi phí khác bằng tiền	18.925.479.856	10.258.887.171
	3.466.612.782.633	3.726.475.167.149

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.329.185.830	5.083.999.363
Dự phòng thừa những năm trước (*)	(2.973.441.989)	-
	2.355.743.841	5.083.999.363

(*) Dự phòng thừa những năm trước là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến chi phí lãi vay được trừ trong năm trước, được tính lại theo Nghị định số 68/2020/NĐ - CP, sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ - CP.

CÔNG TY
 XÃ
 PHÂN
 KHU
 KIÊN GIANG

CÔNG TY
 XÃ
 PHÂN
 KHU
 KIÊN GIANG

CÔNG TY
 XÃ
 PHÂN
 KHU
 KIÊN GIANG

CÔNG TY
 XÃ
 PHÂN
 KHU
 KIÊN GIANG

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) **Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.153.220.606	6.376.808.942
Thuế theo thuế suất của Công ty	5.230.644.121	1.275.361.788
Chi phí không được khấu trừ thuế	98.541.709	3.808.637.575
Dự phòng thừa trong những năm trước	(2.973.441.989)	-
	2.355.743.841	5.083.999.363

(c) **Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	23.797.476.765	1.292.809.579

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2020 Số cổ phiếu	2019 Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành	25.430.000	25.430.000

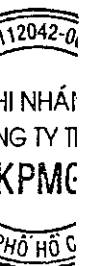
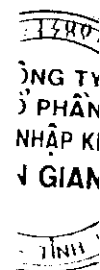
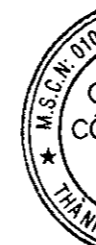
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

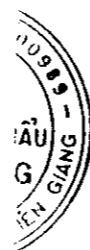
	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	149.733.771.500	281.261.189.848
Mua hàng	-	146.927.815.000
Hàng nhận ủy thác	12.898.496.000	-
Phí ủy thác	104.504.400	-
Phí làm hàng	532.539.735	-
Đơn vị trực thuộc công ty mẹ		
Công ty Lương thực Sông Hậu		
Mua hàng	28.071.000.000	18.417.600.000
Công ty Lương thực Long An		
Mua hàng	11.900.000.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần tại Thốt Nốt		
Mua hàng	11.548.300.000	-
Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang		
Mua hàng	2.200.000.000	-
Công ty Lương thực Bạc Liêu		
Mua hàng	6.113.300.000	-
Công ty Lương thực Đờng Tháp		
Mua hàng	-	43.929.189.200
Công ty Nông sản Thực phẩm Tiền Giang		
Bán hàng hóa, thành phẩm	-	8.555.557.500
Lãi thu khách hàng chậm thanh toán	-	10.392.328
Công ty Lương thực Tiền Giang		
Mua hàng	-	6.299.980.000



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất – Thương mại Dịch vụ Phan Minh		
Bán hàng hóa, thành phẩm ủy thác	42.462.040.669	51.413.565.434
Bán hàng hóa, thành phẩm	-	115.930.405.000
Mua hàng	635.328.235.161	400.835.808.008
Phí ủy thác	26.443.403	9.283.344
Lãi Công ty phải trả do chậm thanh toán	6.057.706.863	907.729.190
Lãi thu khách hàng chậm thanh toán	-	63.027.642
Công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ khí và Lương thực Thực phẩm		
Mua hàng	6.704.370.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh		
Bán hàng hóa	-	1.482.000.000
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định – Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Hòa Bình		
Mua hàng	10.950.000.000	-
Ban Tổng Giám Đốc		
Tiền lương và thưởng	764.000.000	1.019.660.774
Hội đồng Quản Trị		
Tiền lương và thù lao	727.300.000	890.784.637



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Kiên Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 



DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 19 tháng 1 năm 2021

Người lập:

Nguyễn Thị Chúc Hà
Kế toán

Người duyệt:

Trần Thị Điệp
Kế toán trưởng



Dương Thị Thanh Nguyệt
Tổng Giám đốc

